



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẢN

MỤC LỤC

Phần I:

THÔNG TIN CHUNG

Phần II:

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Phần III:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phần IV:

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Phần V:

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phần VI:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

Hiện nay, VISSAN là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu ngành thực phẩm của cả nước, lĩnh vực hoạt động chuyên về sản xuất kinh doanh thịt tươi sống, đông lạnh và thực phẩm chế biến từ thịt.



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300105356, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 07/4/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Vốn điều lệ: 809.143.000.000 đồng
- Địa chỉ: 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (028) 3553 3999/ 3553 3888
- Số fax: (028) 3553 3939
- Website: www.vissan.com.vn ;
- Mã cổ phiếu: VSN



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản tiền thân là một doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Thương Mại Sài Gòn – TNHH một thành viên (SATRA), được thành lập vào ngày 20/11/1970 và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 18/05/1974. Ngày 01/07/2016, VISSAN chính thức chuyển từ Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 809.143.000.000 đồng sau gần 46 năm thành lập và phát triển.

1970 – 1980

- Khởi công xây dựng “Lò sát sinh Tân Tiến Đô Thành”. Đây là cột mốc lịch sử đặt nền tảng đầu tiên cho ngành công nghiệp giết mổ gia súc tại Việt Nam;
- Nhà máy được khánh thành và chuyên về giết mổ gia súc;
- Đổi tên thành Công ty Thực Phẩm I.

1980 – 1990

- Tham gia thị trường xuất khẩu thịt heo đông lạnh theo Nghị định thư sang Liên Xô và thị trường Đông Âu. Giai đoạn 1980 – 1995, VISSAN là một trong những đơn vị có kim ngạch xuất khẩu lớn của cả nước;
- Đổi tên thành Công ty Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản - VISSAN;
 - Công ty đầu tư một hệ thống chế biến hàng cao cấp theo công nghệ của Pháp với máy móc và thiết bị hiện đại, có vốn đầu tư 2,7 triệu đô la Mỹ với công suất khoảng 5000 tấn/năm (1994).

1990 – 2000

- Trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn – TNHH MTV;
- Công ty phát triển nhiều dòng sản phẩm mới, lên đến khoảng 200 sản phẩm;
- Tổ chức lại hệ thống kênh phân phối thông qua các siêu thị, cửa hàng tiện dụng và xây dựng hệ thống phân phối cửa hàng giới thiệu sản phẩm.

11/10/2006

- Chuyển sang mô hình Công ty TNHH MTV.

4/12/2014

- UBND TPHCM quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN) thuộc Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn – TNHH MTV theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND.

NĂM 2016

- Tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM vào ngày 07/03/2016;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập vào ngày 28/05/2016;
- Được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản theo Giấy chứng nhận đăng ký DN số 0300105356, với vốn điều lệ 809.143.000.000 đồng vào ngày 01/07/2016;
- Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng vào ngày 04/08/2016;
- Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng Nhận Đăng ký Chứng khoán số 114/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu là 80.914.300 cổ phiếu vào ngày 04/10/2016;
- Công ty được Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu vào ngày 11/10/2016;
- Ngày giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội vào ngày 21/10/2016.

2016 - NAY

- Công ty tiếp tục phát triển;
- Luôn không ngừng vươn lên, cũng như đi đầu trong các ngành nghề kinh doanh chủ đạo.



NHỮNG GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT

CÁC DANH HIỆU, BẰNG KHEN CẤP NHÀ NƯỚC

- Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới;
- Cờ thi đua Chính phủ;
- Cờ thi đua xuất sắc của Thành phố;
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- Bằng khen của UBND TP;HCM;
- Huân chương lao động I, II, III;
- Một số bằng khen khác về việc thực hiện tốt công tác do các cơ quan bộ ngành phát động.



CÁC DANH HIỆU, BẰNG KHEN TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH

- Bảng xếp hạng V1000 - Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2013 (VISSAN xếp vị trí thứ 300);
- Liên tục 21 năm liên tiếp được Người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao” (từ năm 1997 đến nay) do Tạp chí Sài Gòn Tiếp thị tổ chức;
- Top 200 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do chương trình Liên Hợp Quốc (UNDP) công bố;
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam về doanh thu theo mô hình Fortune 500 do chương trình VNR500 bình chọn;
- Giải thưởng “Doanh nghiệp TP;HCM tiêu biểu” do UBND Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hằng năm;
- Giải thưởng “Doanh nhân TP;HCM tiêu biểu” do UBND Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hằng năm;
- Top 10 Giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” do Hội Doanh nhân Trẻ VN tổ chức;
- Top 10 Giải thưởng “Thương hiệu mạnh” do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức;
- Giải thưởng “Top 100 sản phẩm thực phẩm do người tiêu dùng bình chọn”;
- Cúp vàng Topten Sản phẩm / Dịch vụ uy tín chất lượng do Hội Sở Hữu Công Nghiệp Saigonnew, Trung tâm Net QVN Mạng Thương Hiệu Việt tổ chức bình chọn tại Website www.thuonghieuviet.com;
- Giải thưởng “Doanh nghiệp xanh” do Sở Tài nguyên Môi Trường – Báo Sài Gòn Giải Phóng tổ chức.



CÁC DANH HIỆU, BẰNG KHEN TRONG NĂM 2017

- Hội Doanh nghiệp HVNCLC chứng nhận Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản đạt danh hiệu HVNCLC 2017 do Người tiêu dùng bình chọn (theo số 87/2017-GCN-HVNCLC);
- Hội Doanh nghiệp HVNCLC chứng nhận công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản VISSAN Đạt danh hiệu HVNCLC – chuẩn hội nhập 2017 – ngành hàng thực phẩm (theo số 25/HVNCLC-CHN2017; QĐ: 20316/QĐ-SHTT);
- Top 15 – thương hiệu mạnh Việt Nam 2016 – do ban biên tập, độc giả Thời báo kinh tế Việt Nam tín nhiệm và lựa chọn;
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do báo VietnamNet và công ty Vietnam Report bình chọn;
- Đạt Danh hiệu Sản phẩm dịch vụ tiêu biểu TP;HCM năm 2017 do Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bình chọn đối với sản phẩm – dịch vụ: Xúc xích dinh dưỡng heo, bò;
- Đạt Giải thưởng Thực phẩm đổi mới sáng tạo đẳng cấp Asean do Hội khoa học và công nghệ tổ chức bình chọn.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm thịt heo, bò, thịt gia cầm tươi sống và đông lạnh;
- Sản phẩm thịt nguội cao cấp theo công nghệ của Pháp, sản phẩm Xúc xích tiệt trùng theo công nghệ của Nhật Bản;
- Sản phẩm chế biến theo truyền thống Việt Nam, sản phẩm đóng hộp;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc và kinh doanh heo giống, heo thịt;
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng khác.

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

- Thực phẩm tươi sống: Thịt heo, Thịt bò, Thịt gà ..
- Thực phẩm chế biến, mặt hàng khô: Xúc xích tiệt trùng, Lạp xưởng, Đồ hộp, ...
- Thực phẩm chế biến – mát đông lạnh: Hàng đông lạnh, Thịt nguội, Giò các loại...



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty chủ yếu kinh doanh tại thị trường trong nước, với mạng lưới hệ thống bao gồm:

- 01 Chi nhánh tại Hà Nội phụ trách thị trường khu vực phía Bắc;
- 01 Siêu thị và văn phòng tại Đà Nẵng phụ trách thị trường khu vực miền Trung;
- 01 Chi nhánh tại Bình Dương và Văn phòng chính tại TP.HCM phụ trách thị trường khu vực phía Nam;
- 01 Văn phòng đại diện tại Campuchia.

Đồng thời, sản phẩm VISSAN hiện đã có mặt tại hơn 128 nhà phân phối, 87 đại lý và hơn 130.000 điểm bán trên khắp cả nước:

- Miền Nam (TPHCM, Kiên Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông, Khánh Hòa, Phú Yên);
- Miền Trung (Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định);
- Miền Bắc (Hà Nội, Thái Nguyên, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Sơn La, Điện Biên, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hưng Yên, Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Nam, Ninh Bình, Vinh, Nghệ An, Hà Tĩnh).

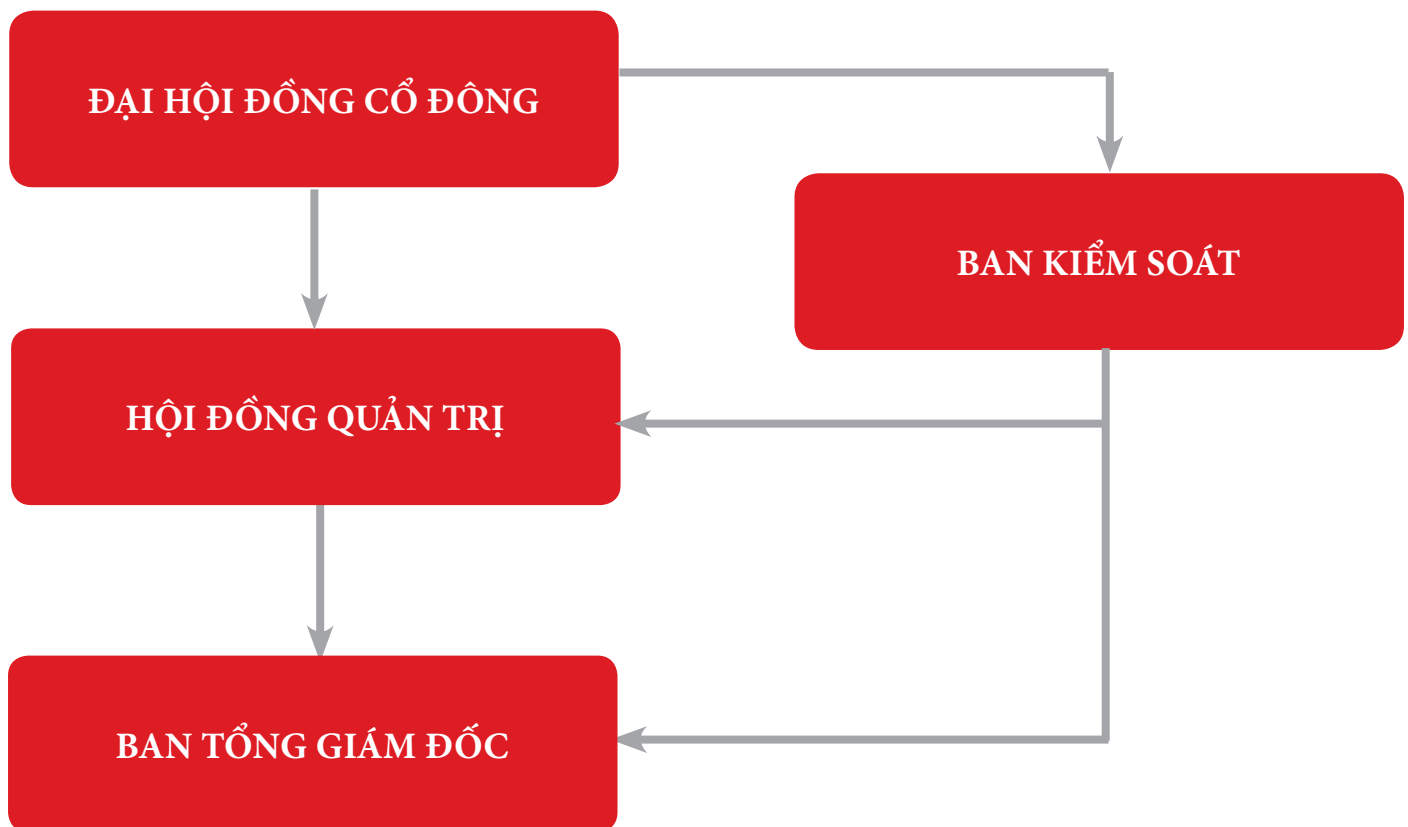




THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:



Trong đó:

- **Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban Tổng giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- **Ban kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Với định hướng chiến lược là tiếp cận thị trường bằng chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, Công ty VISSAN đã và đang thực hiện quy trình liên kết khép kín trong sản xuất, không ngừng cải tiến quy trình này để nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm ngày càng tốt hơn. Bên cạnh đó, VISSAN còn chủ động kết hợp liên kết trong chuỗi kinh doanh khép kín, huy động các nguồn lực xã hội tập trung cho chuỗi giá trị đi từ khâu sản xuất chế biến đến khâu phân phối sản phẩm.

CÁC CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty VISSAN mong muốn thể hiện hết tinh thần trách nhiệm trong từng sản phẩm để mang đến sức khỏe cho cộng đồng, góp phần phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm Việt Nam. Đó là sức sống, khát khao của một tập thể với hơn 45 năm trưởng thành để tạo nên một thương hiệu vươn lên mãnh liệt trong nền kinh tế hội nhập.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Chất lượng sản phẩm: Đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, công bố thị heo đạt tiêu chuẩn VietGAP và thịt bò Úc giết mổ theo tiêu chuẩn Escas...
- Đối với môi trường: VISSAN luôn tuân thủ pháp luật về môi trường, sử dụng nguồn năng lượng như điện, nước hiệu quả, thu gom và xử lý các loại nước thải, khí thải, chất thải rắn (cả chất thải thông thường và chất thải nguy hại) đúng theo quy trình của Sở Tài Nguyên và Môi Trường TPHCM. Giảm thiểu tối đa tiếng ồn gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sức khỏe người lao động.

- Đối với xã hội: Thực hiện minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động; bảo vệ nâng cao sức khỏe và tạo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn cho người lao động. Công ty cũng đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển kỹ năng, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động..





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Tình hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2017 khá khả quan khi mức tăng trưởng GDP đạt 6,81% so với năm 2016, mức tăng trưởng vượt mức chỉ tiêu đề ra là 6,7% và cao hơn mức tăng trưởng của các năm 2011-2016.

Đóng góp vào mức tăng trưởng 6,81% trên có sự đóng góp không nhỏ từ khu vực nông, lâm, thủy sản khi có sự phục hồi đáng kể. Ngoài ra, còn có sự đóng góp từ khu vực xuất khẩu hàng hóa.



RỦI RO LÃI SUẤT

Theo tổng cục thống kê diễn biến thực tế của năm 2017 cho thấy mặt bằng lãi suất cho vay ổn định trong năm. Ngân hàng Nhà Nước cho biết trong năm qua đã điều hành cung tiền hợp lý tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng ổn định lãi suất huy động, có điều kiện phấn đấu giảm lãi suất cho vay. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng của Công ty tiếp tục được theo dõi sát sao để tránh các rủi ro về chi phí lãi vay tăng bất thường.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Theo báo cáo của Tổ chức Nông Lương Thế giới (FAO), chất thải của gia súc toàn cầu tạo ra 65% lượng Nitơ oxit (N₂O) trong khí quyển. Đây là loại khí có khả năng hấp thụ năng lượng mặt trời cao gấp 296 lần so với khí CO₂. Cùng với các loại khí khác như CO₂, CH₄,... gây nên hiệu ứng nhà kính làm trái đất nóng lên. Công ty luôn kiểm tra đôn đốc các cơ sở chăn nuôi heo phải hoàn thiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ về môi trường; các cơ sở chăn nuôi mới đầu tư trước khi hoạt động chính thức phải được xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường. Hướng dẫn, đôn đốc và yêu cầu các Chủ đầu tư xây dựng, thực hiện các biện pháp quản lý, xử lý chất thải theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt, nhất là đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại cơ sở. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình triển khai các biện pháp quản lý để giảm thiểu ô nhiễm môi trường do hoạt động chăn nuôi heo để theo dõi, chỉ đạo...

RỦI RO THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG

Trong giai đoạn hiện nay, thông tin truyền thông giữ vai trò quan trọng, tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Thông tin truyền thông giúp doanh nghiệp có thể quảng bá sản phẩm, tạo ra nhu cầu tiêu dùng, nhưng cũng có thể tác động ngược lại gây bất lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm khi có các thông tin xấu. Trong thời gian vừa qua các thông tin truyền thông rộng rãi về tình hình thực phẩm bẩn phổ biến, tình hình sử dụng chất tăng trưởng, chất cấm trong chăn nuôi, trồng trọt; một số đơn vị sản xuất thực phẩm sử dụng nguyên phụ liệu chưa đạt yêu cầu, cộng với các thông tin bất lợi từ thị trường khi sử dụng thực phẩm chế biến đã tác động đến tâm lý tiêu dùng của người dân, dẫn đến sức mua trên thị trường giảm sút kéo dài.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của VISSAN chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan; bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, VISSAN còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy VISSAN cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Bên cạnh khung pháp lý chung, VISSAN còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong quy trình giết mổ và chế biến.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như tình hình tăng giá vận chuyển, bảo quản hàng hóa, lưu kho, cháy nổ, thiên tai ... là những rủi ro có nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

THUẬN LỢI:

Năm 2017, tăng trưởng kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, GDP năm 2017 của Việt Nam tăng 6,81% so với năm ngoái, cao hơn so với mục tiêu 6,7%. Mức tăng trưởng mạnh mẽ của năm 2017 đều đến từ những sự tích cực ở cả 3 khu vực kinh tế chính. Dự báo mức tăng trưởng GDP năm 2018 ở mức 6,7% - 6,8%. Thị trường thành thị tăng trưởng ổn định, trong khi ở khu vực nông thôn, sự phục hồi lượng tiêu dùng vẫn chậm.

Năm 2017 là năm thuận lợi của thị trường bán lẻ, cửa hàng chuyên doanh và các kênh mua sắm hiện đại duy trì đà tăng trưởng. Kênh siêu thị tích cực phục hồi, kênh siêu thị mini/cửa hàng tiện lợi cũng liên tục mở rộng thu hút thêm nhiều người mua mới. Tại thành thị, các kênh mua sắm hiện đại tiếp tục tăng trưởng tốt. Tại nông thôn, các tiệm tạp hóa quy mô vừa tiếp tục thu hút người mua ở khu vực này.

KHÓ KHĂN:

Chăn nuôi gặp nhiều khó khăn đặc biệt là chăn nuôi heo sau thời gian khủng hoảng về giá do sự phát triển mạnh mẽ trong những năm 2015-2016 nên cung vượt cầu.

Thị trường tiêu thụ thịt heo năm 2017 vẫn chưa khởi sắc, giá bán thịt heo ở mức thấp khiến người chăn nuôi tiếp tục chịu thua lỗ. Theo kết quả điều tra chăn nuôi kỳ 01/10/2017, đàn heo cả nước có 27,4 triệu con, giảm 5,7%, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 3,7 triệu tấn, tăng 1,9%.



KẾT QUẢ KINH DOANH 2017

Tình hình kinh doanh của VISSAN trong năm 2017 phát triển ổn định, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

ĐVT : Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2016 (nửa cuối năm)	2017
Doanh thu thuần	1.838,9	3.878,1
Giá vốn hàng bán	1.437,4	2.905,9
Lợi nhuận gộp	401,4	972,2
Doanh thu hoạt động tài chính	3,6	16,8
Chi phí tài chính	7,5	19,2
Chi phí bán hàng	207,4	504,7
Chi phí quản lý doanh nghiệp	124,1	302,3
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	66,0	162,9
Lợi nhuận khác - Tổng	1,2	2,9
Lợi nhuận trước thuế	67,2	165,8
Lợi nhuận sau thuế	53,3	129,6

KẾT QUẢ KINH DOANH 2017

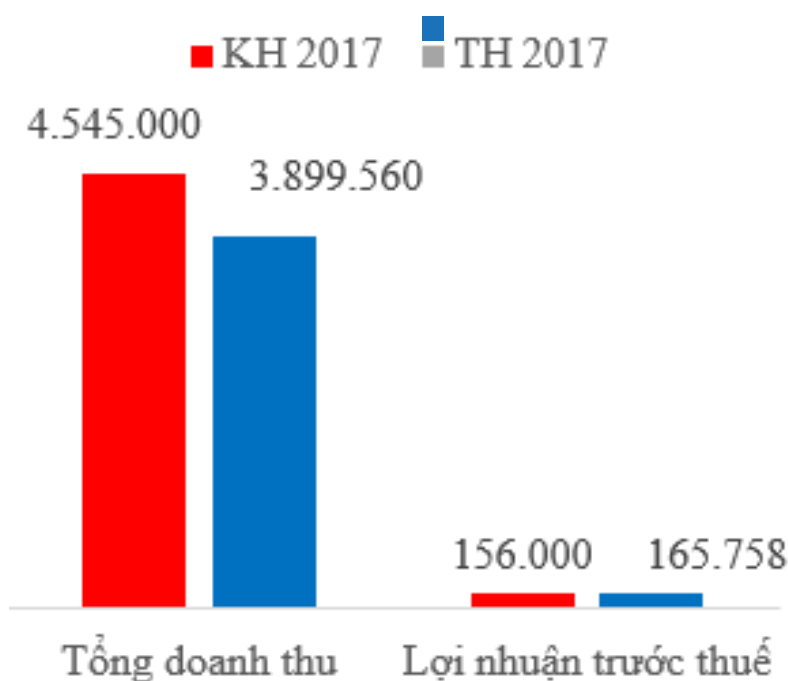
VỀ LỢI NHUẬN:

Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế, kết thúc năm 2017, hai chỉ tiêu này đều ghi nhận mức lãi lớn là 165,8 và 129,6 tỷ đồng. Mặc dù các yếu tố chi phí đều đạt mức cao, nhưng nhờ sự cải thiện doanh thu, giá vốn hàng bán ổn định nên các chỉ tiêu lợi nhuận của VISSAN đều có sự tăng trưởng tích cực trong năm qua.

THÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐỀ RA

Chỉ tiêu	KH 2017	TH2017	TH2017/KH2017
Tổng doanh thu	4.545.000	3.899.560	86%
Lợi nhuận trước thuế	156.000	165.758	106%

So với chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm, chỉ tiêu doanh thu của Công ty chỉ đạt 86% kế hoạch chủ yếu là do tình hình kinh doanh mảng thực phẩm tươi sống dù có cải thiện hơn so với kết quả năm 2016 nhưng vẫn chưa đạt mức kỳ vọng, chỉ tiêu sản lượng đạt thấp, yếu tố giá bán thấp so với cùng kỳ và kế hoạch. Trong khi đó, nhờ những nỗ lực của lãnh đạo Công ty trong việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tốt chi phí; thêm vào đó, yếu tố giá nguyên liệu thuận lợi



trong năm cũng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty là những yếu tố tạo nên kết quả lợi nhuận vượt 6% mức kế hoạch.

XÚC XÍCH TIỆT TRÙNG LẮC KÊU TRỘN ĐỀU





TỔ CHỨC NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NGUYỄN NGỌC AN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA), Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Anh Văn
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 8.600 cổ phần – 0,0106% vốn điều lệ

BÀ ĐẶNG THỊ PHƯƠNG NINH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Thực hành Quản trị Kinh doanh (EMBA), Kỹ sư hóa thực phẩm
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 5.400 cổ phần – 0,0067% vốn điều lệ

BÀ LÂM THỊ NGỌC SƯƠNG PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 2.900 cổ phần – 0,0036% vốn điều lệ

ÔNG NGUYỄN ĐĂNG PHÚ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ

ÔNG HUỲNH QUANG GIÀU
KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế: chuyên ngành Tài chính Kế toán, Quản trị Kinh doanh
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 200 cổ phần – 0,0002% vốn điều lệ



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Văn Đức Mười - Tổng Giám Đốc đã nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 07/04/2017, và Ông Nguyễn Ngọc An được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc kể từ ngày 07/04/2017.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Đại học và trên Đại học	659	15,41%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	664	15,52%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	1.317	30,79%
4	Lao động phổ thông	1.637	38,27%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động toàn thời gian	3.947	92,28%
2	Lao động bán thời gian	330	7,72%
III	Theo giới tính		
1	Nam	2.452	57,33%
2	Nữ	1.825	42,67%

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN



Chính sách lương thưởng phúc lợi luôn được công ty duy trì thực hiện đều đặn hàng năm, nhằm đảm bảo người lao động có đời sống vật chất ổn định, ngày càng cải thiện. Từ đó giúp người lao động an tâm công tác, cống hiến hết mình cùng sự phát triển của Công ty.

Hệ thống thang bảng lương được xây dựng và ban hành mới trong năm 2017 trên cơ sở cải tiến, phù hợp hơn với từng vị trí công việc, khuyến khích năng suất lao động và giữ chân người lao động có chuyên môn cao phục vụ lâu dài cho Công ty.



MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN



Chính sách trả lương, thưởng, phúc lợi đều có quy chế rõ ràng, công khai cho người lao động nắm rõ và thấu hiểu. Việc xét thưởng dựa trên kết quả công việc của từng cá nhân và tập thể.

Điều đặn tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm để trao đổi thông tin, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động.

Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao tay nghề, kiến thức.

Quan tâm chăm lo đời sống người lao động, tổ chức thăm hỏi người lao động ốm đau, thai sản, vận động hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn...

Ngoài ra, để tạo điều kiện cho người lao động có thời gian nghỉ ngơi sau những giờ làm việc căng thẳng, hoạt động du lịch nghỉ mát thường niên cũng được Công đoàn Công ty thực hiện định kỳ và tạo mọi điều kiện cho toàn thể người lao động tham gia. Hoạt động văn thể mỹ được đầu tư và tổ chức hợp lý.

CHÍNH SÁCH NĂM 2018

- Duy trì các chính sách đã thực hiện trong những năm gần đây cho người lao động;
- Thực hiện đầy đủ chính sách theo đúng quy định của Nhà nước, đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho 100% người lao động;
- Khen thưởng, động viên kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thi đua lao động sản xuất, đóng góp sáng kiến cải tiến và các giải pháp hữu ích cho Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm, Công ty không có các khoản đầu tư lớn và dài hạn, chỉ tập trung vào các thiết bị máy móc mở rộng sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm và các hạng mục cải tạo, sửa chữa thường xuyên đảm bảo môi trường sản xuất kinh doanh, nâng cao an toàn vệ sinh thực phẩm.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Trong năm 2017, Công ty không có dự án đầu tư dài hạn



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	1.771.440
Doanh thu thuần	3.878.107
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	162.860
Lợi nhuận khác	2.898
Lợi nhuận trước thuế	165.758
Lợi nhuận sau thuế	129.628



MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,61
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,07
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	46,0%
Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	85,1%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay Khoản phải thu	Vòng	17,99
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	6,85
Vòng quay Tài sản	Vòng	2,38
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,34%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,54%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,20%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

Số lượng cổ phần: 80.914.300 cổ phần

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Số cổ phiếu phổ thông: 80.914.300

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 45.700 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Cổ đông trong nước		
Cá nhân	1.616.700	2,00%
Tổ chức	75.980.300	93,90%
Cổ đông nước ngoài		
Cá nhân	12.900	0,02%
Tổ chức	3.304.400	4,08%
Tổng cộng	80.914.300	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

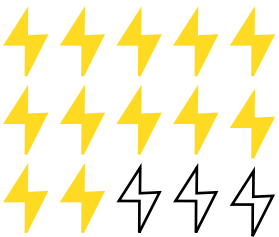
Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn TNHH Một thành viên (SATRA)	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Hồ Chí Minh	54.829.878	67,76%
Công ty cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (ANCO)	KCN Sông Mây, Lô A4, Bắc Sơn, Trảng Bom, Đồng Nai	20.180.026	24,94%



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

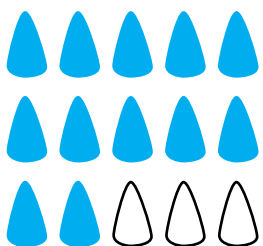
VỀ NĂNG LƯỢNG

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2017
1	Điện lưới (kW)	11.682.243
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJ)	42.056.074.800
2	Điện máy phát (kW)	17.427
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJ)	62.737.200
3	Dầu FO (kg)	33.117
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJ)	1.400.153.643
4	Dầu DO (kg)	15.224
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJ)	695.280.080
5	Hơi bão hòa (tấn)	16.924
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJ)	47.048.720



VỀ ĐIỆN:

Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tổng năng lượng điện sử dụng tiết kiệm qua 1 năm thông qua các sáng kiến là: 76.906.800 (Kwh/năm).



VỀ NƯỚC:

Hiểu rõ tầm quan trọng của nước, VISSAN luôn tìm kiếm các giải pháp tiết kiệm nước và đưa ra sáng kiến sử dụng nước an toàn và hiệu quả. Trong năm nước tái sử dụng : 6.945 (m³/năm) chiếm 1,6%.

VỀ MÔI TRƯỜNG



NƯỚC THẢI:

- Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải với công suất 990 m³/ngày trước khi thải ra sông Sài Gòn.
- Công nghệ xử lý nước thải: phương pháp sinh học, kết hợp yếm khí và hiếu khí. Nước đầu vào -> Máy lược rác -> Bể điều hòa -> Bể keo tụ - tạo bông – tuyển nổi -> Bể UASB -> Bể điều chỉnh pH -> Bể Aerotank -> Bể Anoxic -> Bể lắng -> Bể khử trùng -> Nước đầu ra theo cột B.
- Nước thải sau khi được xử lý của Công ty đạt theo quy chuẩn hiện hành.

KHÍ THẢI:

- Khí thải: VISSAN luôn đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh và báo cáo kết quả quan trắc định kỳ 3 tháng/lần.

CHẤT THẢI RẮN:

- Chất thải rắn thông thường: Có nhà kho chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 150m², có phân loại từng khu vực để từng loại rác thải, nằm cách xa khu vực sản xuất. Công ty VISSAN đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý với đơn vị bên ngoài. Hằng ngày, đơn vị dịch



vụ thu dọn vệ sinh có trách nhiệm đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng các quy định về đảm bảo vệ sinh môi trường. Đồng thời các chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty đã được thu gom triệt để và lưu trữ đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường. Định kỳ Công ty phun thuốc khử trùng và khử mùi nhà chứa rác. Vì vậy, chất thải rắn phát sinh của Công ty không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường đất và môi trường không khí xung quanh.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Công ty VISSAN cũng ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý với đơn vị bên ngoài theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường.
- Chất thải nguy hại (CTNH): có kho chứa chất thải nguy hại và được phân loại từng khu vực để từng loại CTNH, có dán nhãn và biển báo cấm, không gây ảnh hưởng môi trường xung quanh.
- Công ty VISSAN đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Mã số QLCTNH 79.000564.T cấp lần 03 ngày 03/03/2017.
- Sau khi thu gom chất thải nguy hại từ Công ty VISSAN, các chứng từ giao nhận và xử lý chất thải nguy hại sẽ được chuyển cho Phòng Quản lý chất thải rắn - Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM theo dõi. Vì vậy, có thể nói chất thải nguy hại phát sinh của Công ty đã được thu gom, lưu trữ và chuyển giao đúng đơn vị chức năng, không gây ô nhiễm môi trường.
- Trong năm 2017, Công ty VISSAN phát sinh một lượng chất thải nguy hại với tổng khối lượng thực tế là 5.758 kg. Hiểu rõ về đặc điểm ngành nghề, do đó công tác nguy hại luôn được công ty quan tâm, và tiến hành xử lý đúng cách, tuân thủ pháp luật, đảm bảo an toàn với môi trường nhất có thể.

TIẾNG ÒN:

- Bố trí các máy móc một cách hợp lý, tránh để các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mài mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ bôi trơn các máy và thay thế các chi tiết bị mài mòn.
- Đối với các máy có độ rung lớn phải đúc móng bê tông đủ khối lượng, tăng chiều sâu móng, có rãnh cát để tránh lan truyền độ rung.
- Các máy gây ồn lớn được cách ly trong các phòng kín có tường cách âm.
- Sử dụng hệ thống máy móc hiện đại với độ cách âm tốt và ít phát sinh tiếng ồn.



TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

VISSAN xây dựng môi trường làm việc lành mạnh và an toàn cho người lao động. Con người là yếu tố cấu thành nên tổ chức và quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Thấu hiểu tầm quan trọng của giá trị lao động, trân trọng sự gắn kết, đồng hành của người lao động, VISSAN đặc biệt quan tâm đến các vấn đề về sức khỏe, an toàn lao động, chính sách phúc lợi dành cho người lao động, đảm bảo mức thu nhập ổn định nhằm giúp người lao động an tâm trong công tác.

Công ty tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển kỹ năng, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động với các chương trình huấn luyện, đào tạo thiết thực nhằm phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm Công ty thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động như:
Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Lao động bình quân thực hiện năm 2017: 4.391 người với mức thu nhập bình quân: 9.657.000 đồng/ người/ tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo đặc thù công việc cho người lao động.
- Bồi dưỡng sữa hàng ngày đối với người lao động làm việc tại các vị trí có yếu tố có hại, vi khí hậu vượt chuẩn.
- Mua bảo hiểm tai nạn (24/24) cho toàn thể người lao động trong toàn công ty.
- Mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động làm việc trong khối phòng, ban và các xưởng sản xuất thuộc công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe, nghỉ mát hàng năm; thực hiện thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ.
- Tặng quà cho lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày phụ nữ Việt Nam.
- Tặng quà cho con người lao động nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, khen thưởng học sinh giỏi, tổ chức tham dự trại hè.
- Chi hỗ trợ cho người lao động nghỉ hưu theo chế độ; tổ chức họp mặt, thăm hỏi cán bộ hưu trí hàng năm.



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Stt	Nội dung	Số lượng	Tiền
1	Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ	157	159.880.000
2	Áp dụng pháp luật lao động trong hoạt động doanh nghiệp.	90	35.000.000
3	Kỹ năng đàm phán thu mua hàng hóa	25	24.000.000
4	12 Lớp đào tạo tay nghề pha lóc thịt	129	47.800.000
5	Đào tạo chuyên đề (ISO 9001:2015; HACCP)	227	345.530.000
6	Các kiến thức cơ bản về kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo - KT11	40	54.000.000
7	Các kiến thức cơ bản về đo lường, hiệu chuẩn và kiểm định các phương tiện đo	86	209.000.000
8	Tập huấn theo quy định của Pháp luật	2.897	175.546.000
9	Hỗ trợ học phí học đại học, cao học	9	91.606.000
9	Hỗ trợ học phí học đại học, cao học	9	91.606.000
	TỔNG	3.660	1.142.362.000

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Trong năm 2017, Công ty VISSAN đã thực hiện nhiều chương trình cộng đồng như: tham gia thực hiện nhiều chương trình như chăm lo cho người nghèo ngày Tết, hỗ trợ sinh viên đón Tết, tặng quà cho người nghèo neo đơn, tặng quà cho đồng bào nghèo, đóng góp chương trình Satra vì biển đảo quê hương, đóng góp chương trình cho Quỹ xã hội từ thiện của SATRA và các chương trình từ thiện khác với tổng trị giá khoảng 1,3 tỷ đồng.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Ngoài ra, Công ty tham gia các chương trình như: thăm và phụng dưỡng cho các mẹ Việt Nam Anh hùng; hưởng ứng chương trình “Giọt máu nghĩa tình” do Hội Chữ thập đỏ thành phố phát động, Công ty đã vận động cán bộ công nhân viên tham gia hiến máu nhân đạo năm 2017 và nhận được hưởng ứng hiến máu của gần 196 cán bộ công nhân viên.



PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Năm 2017 tăng trưởng kinh tế cả nước đạt 6,81%, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua. Đây cũng là năm thuận lợi đối với thị trường bán lẻ, các kênh mua sắm hiện đại duy trì đà tăng trưởng tốt.
- Tình hình chăn nuôi trong năm 2017 gặp nhiều khó khăn, giá heo hơi giảm sâu do sự phát triển thiếu căn cơ ổn định trong các năm trước nên sản lượng cung vượt cầu. Thị trường tiêu thụ thịt heo trong nước vẫn chưa khởi sắc, người chăn nuôi tiếp tục chịu thua lỗ.
- Thị trường thực phẩm chăn nuôi phục hồi so với cùng kỳ, tạo cơ hội cho VISSAN tăng sản lượng, mở rộng thị phần đặc biệt là các nhóm hàng xúc xích. Riêng miền Trung và miền Bắc do thiên tai và sự cố về môi trường nên ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của 02 khu vực này.
- Tại công ty VISSAN, sau khi chuyển sang hoạt động với loại hình doanh nghiệp cổ phần từ ngày 1/7/2016, Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác tái cấu trúc bộ máy, hoạt động sản xuất- kinh doanh và quản lý điều hành nhằm đáp ứng kịp thời xu hướng phát triển của thị trường. Cùng với nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể người lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có những bước tăng trưởng, mặc dù chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch sản lượng đặt ra nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận trước thuế tăng trưởng vượt kế hoạch 6%.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	% Hoàn Thành
I	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	4.545.000	3.899.560	86%
II	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	156.000	165.758	106%
III	Sản lượng				
1	Thịt heo các loại	Tấn	27.952	23.492	84%
2	Thịt bò	Tấn	2.170	1.509	70%
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	19.760	19.009	96%
IV	Thu nhập bình quân	1.000 đồng	8.133	9.657	119%



Đối với nhóm thực phẩm tươi sống: Tình hình kinh doanh thực phẩm tươi sống trong năm 2017 tăng trưởng so với cùng kỳ, tuy nhiên vẫn chưa đạt được kỳ vọng theo chỉ tiêu kế hoạch đặt ra. Sản lượng tăng chủ yếu tập trung tại kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi).

Đối với thực phẩm chế biến: sức mua phục hồi sau một thời gian sụt giảm, Công ty đã triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các giải pháp củng cố, mở rộng kênh phân phối, thực hiện các giải pháp thị trường phù hợp, tăng cường mức độ nhận biết thương hiệu, kích thích thúc đẩy người tiêu dùng tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, các sản phẩm mới của VISSAN tạo hiệu ứng tốt trên thị trường, tăng sản lượng ngành hàng. Trong năm 2017, VISSAN đưa ra thị trường 20 sản phẩm thuộc dòng sản phẩm Xúc xích tiết trùng, Thịt nguội, Đồ hộp, Lạp xưởng, chế biến Đông lạnh (bao gồm các sản phẩm hoàn toàn mới và các sản phẩm cải tiến từ các sản phẩm hiện hữu của Công ty). Các sản phẩm mới đưa ra thị trường bước đầu đáp ứng nhu cầu của thị trường về chất lượng, giá cả, mẫu mã bao bì nên được người tiêu dùng ưa chuộng, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng.

Lợi nhuận thực hiện năm 2017 là 165,8 tỷ đồng, vượt 6% chỉ tiêu kế hoạch. Đạt được kết quả đáng khích lệ này là nhờ Công ty đã tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tốt chi phí; thêm vào đó, yếu tố giá nguyên liệu thuận lợi trong năm cũng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

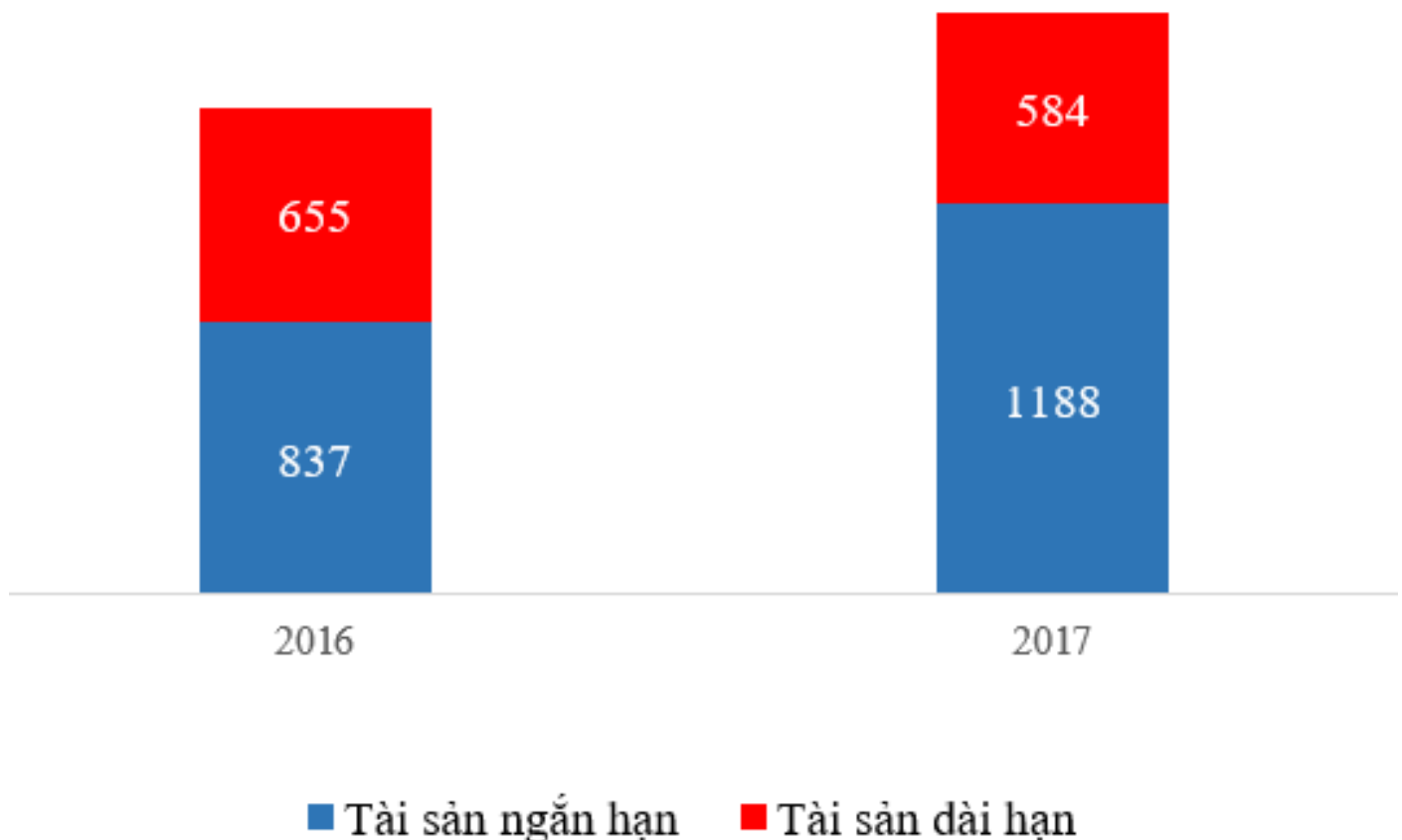


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tính đến 31/12/2017, giá trị tổng tài sản đạt 1.771,4 tỷ đồng, cao hơn 18,7% so với thời điểm cuối năm 2016. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 67%.

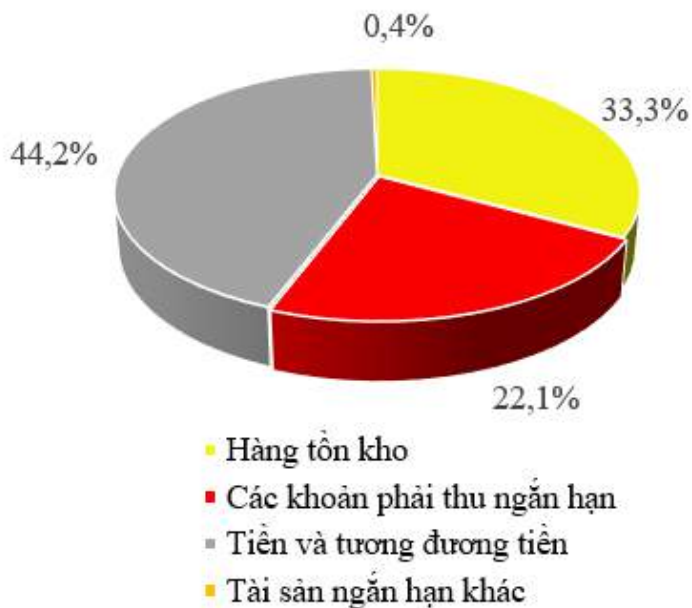
Cơ cấu tài sản (tỷ đồng)



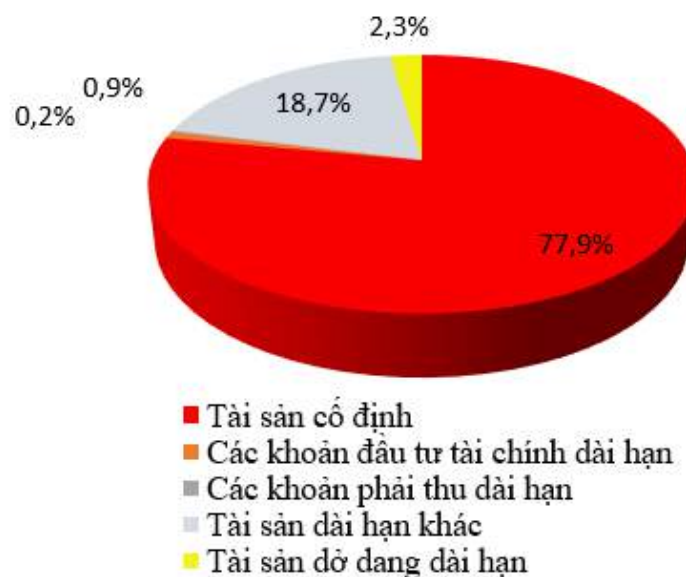
Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 44,2%, tiếp đến là hàng tồn kho, các khoản phải thu ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác, các khoản mục này lần lượt chiếm 33,3%, 22,1% và 0,4%.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 77,9%. Ngoài ra các khoản mục tài sản dài hạn khác cũng chiếm một tỷ trọng đáng kể (18,7%).

Cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2017

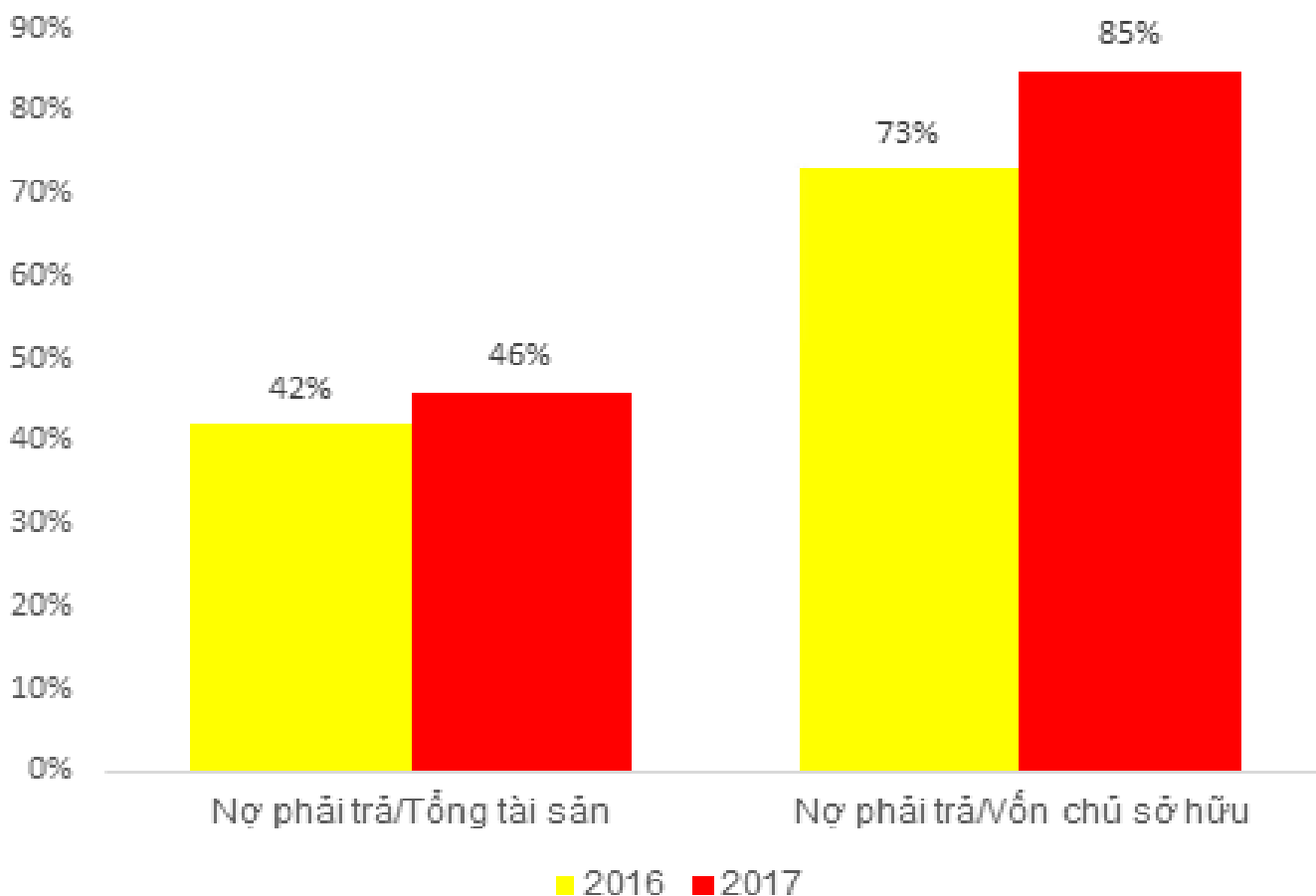


Cơ cấu tài sản dài hạn năm 2017



NỢ PHẢI TRẢ

Tại thời điểm 31/12/2017, 46% Tổng tài sản của Công ty được tài trợ từ các khoản Nợ phải trả; điều này cũng tương đương với tổng giá trị các khoản Nợ phải trả bằng 85% khi so sánh với giá trị của Vốn chủ sở hữu. So với năm 2016, hệ số nợ phải trả/tổng tài sản của Công ty tăng hơn 4%, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tăng 12%. Nhìn chung, cơ cấu nợ này thuộc mức an toàn và không có quá nhiều biến động.





CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ BỘ MÁY

TRONG CÔNG TÁC SẢN XUẤT:

- Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật theo tháng, phát huy được hiệu quả khi tìm được nguyên nhân tăng giảm giá thành sản phẩm khi so sánh với các công ty cùng ngành. Từ đó, đề ra được các biện pháp khắc phục hiệu quả, giúp giá thành sản phẩm ổn định, tối đa hóa lợi nhuận.
- Thành lập các Hội đồng giúp việc cho Ban điều hành công ty (Hội đồng giá, Hội đồng thanh lý...) với thành phần nhân sự kiêm nhiệm nhưng đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao. Từ đó, nguyên vật liệu đầu vào có giá cả hợp lý với chất lượng tốt nhất; kịp thời thanh lý nhằm thu hồi vốn với các tài sản không sử dụng. Đây là một trong những nguyên nhân giúp việc quản lý giá thành và quản trị dòng tiền Công ty đạt hiệu quả tốt.
- Tác phong công nghiệp của người lao động ngày càng cao. Việc phân bổ kế hoạch sản xuất và phân công ca kíp hợp lý cũng giúp người lao động đảm bảo sức khỏe và hoàn thành công việc được giao.
- Các công tác khác như phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, an toàn lao động... tiếp tục được duy trì ổn định.



CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÂN LỰC:

- Quản lý nguồn nhân lực hợp lý, luân chuyển và phân công nhiệm vụ cho cán bộ theo đúng năng lực và kinh nghiệm.
- Công ty đã triển khai sắp xếp lại bộ máy tổ chức, thành lập mới và sáp nhập một số phòng chức năng, điều chỉnh cơ cấu bộ máy hoạt động đối với các Chi nhánh trực thuộc nhằm tập trung đầu mối quản lý, tăng cường hiệu quả, nâng cao năng suất lao động.
- Tính đến năm 2017, Công ty đã xây dựng và ban hành 21 quy định, 08 quy chế, hoàn thiện các định mức trong sản xuất, tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2018

- Kinh tế Việt Nam năm 2018 dự báo tăng trưởng 6,58% trong năm 2018, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%. (Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư).
- Nhiều trang trại trở lại chăn nuôi, đàn heo nái được khống chế tăng ở mức ổn định, nguồn cung ra thị trường cân bằng hơn. Giá heo hơi dự báo tăng trong năm kế hoạch 2018.
- Sản lượng thịt heo nhập khẩu tăng so với năm 2017 nhờ việc xóa bỏ thuế nhập khẩu thịt heo theo Hiệp định EVFTA và AEC.
- Người tiêu dùng tăng sức mua thực phẩm tại các kênh hiện đại, thị trường bán lẻ còn nhiều tiềm năng phát triển.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Đối với Thực phẩm tươi sống:

- Nâng cao thị phần chi phối thông qua việc mở rộng mạng lưới phân phối tại các kênh hiện đại và kênh truyền thống.
- Phát triển dòng sản phẩm mới như Vis- Trace, đa dạng hóa sản phẩm thịt bò.

Đối với Thực phẩm chế biến:

- Đa dạng hóa ngành hàng, Phát triển các dòng sản phẩm với công nghệ mới, có tính năng khác biệt mang tính tiên phong và hướng dẫn xu hướng tiêu dùng.
- Mở rộng kênh phân phối, tăng độ phủ sản phẩm VISSAN trên thị trường, gia tăng thị phần.
- Hoàn thiện và phát triển chuỗi cửa hàng bán lẻ VISSAN, từng bước hướng hoạt động cửa hàng theo mô hình chuyên nghiệp, hiện đại.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, hoạt động sản xuất- kinh doanh, hướng tới triển khai ERP toàn Công ty.



- Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, nâng cao an toàn vệ sinh thực phẩm thông qua việc đầu tư thiết bị hiện đại. Thúc đẩy tiến độ dự án đầu tư trọng điểm như dự án đầu tư xây dựng Cụm Công nghiệp CBTP VISSAN tại Long An, chương trình tạo nguồn nguyên liệu,...





CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2017 và dự báo tình hình kinh tế xã hội, sức mua năm 2018, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đvt	TH 2017	KH 2018	% Tăng, giảm
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	3.899.560	4.600.000	18%
II	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	165.758	179.000	8%
II	Sản lượng				
1	Thịt heo các loại	Tấn	23.492	28.204	20%
2	Thịt bò	Tấn	1.509	1.735	15%
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	19.009	21.874	15%

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Đoạn vấn đề cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 của tổng hợp toàn công ty như sau:

“Vấn đề cần nhấn mạnh, chúng tôi xin lưu ý người đọc các điều chỉnh được đề cập tại Thuyết minh số 3 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả việc điều chỉnh hồi tố một số số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Thông báo kết quả Kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, Biên bản kết quả kiểm tra của tổ công tác kiểm tra báo cáo tài chính Doanh nghiệp Nhà nước và các kết quả thanh tra thuế của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.”

Công ty đã trình bày lại số liệu báo cáo tài chính tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 theo Thông báo Kết quả Kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước số 08/TB-KT IV ngày 19 tháng 01 năm 2017, Biên bản kết quả kiểm tra của tổ công tác kiểm tra báo cáo tài chính Doanh nghiệp Nhà nước ngày 30 tháng 11 năm 2017 và các kết quả thanh tra thuế của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn chuyển thể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 trước khi Công ty trở thành công ty cổ phần tại thời điểm ngày 01 tháng 07 năm 2016.

PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Tổng doanh thu:

Thực hiện tổng doanh thu năm 2017 đạt 3.899,6 tỷ đồng, chỉ đạt 86% kế hoạch do chỉ tiêu sản lượng đạt thấp và do yếu tố giá bán thấp so với cùng kỳ và kế hoạch. Trong đó, các mảng kinh doanh có những chuyển biến như sau:

Thực phẩm tươi sống:

Trong năm 2017, Công ty đã nỗ lực trong việc phát triển các điểm bán hàng thực phẩm tươi sống, đưa ra thị trường các sản phẩm chế biến mới đáp ứng thị hiếu tiêu dùng, góp phần làm tăng sản lượng bán của Công ty so với năm trước.

Sản lượng thịt heo của VISSAN tăng trưởng (13%) cùng kỳ nhưng vẫn chưa đạt được yêu cầu theo kế hoạch của Công ty. Tại kênh truyền thống, VISSAN chưa cạnh tranh được với các thành phần khác tham gia kinh doanh đặc biệt về giá cả do quản lý Nhà nước chưa chặt chẽ và công bằng cho các thành phần tham gia. Đối với thịt bò, khả năng cạnh tranh thấp do giá bán của Công ty cao hơn trên thị trường do sản phẩm của VISSAN là thịt bò Úc giết mổ theo tiêu chuẩn Escas. Từ cuối năm 2016, giá bò Úc tăng nên càng giảm sức cạnh tranh về giá so với bò nội địa. Tại kênh Horeca, sản lượng thịt heo tăng trưởng so với cùng kỳ (tăng 30%) nhưng giảm đối với thịt bò (giảm 14%).



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Thực phẩm chế biến:

Công ty tích cực thực hiện các chương trình khuyến mãi, sampling thúc đẩy tăng doanh số, đồng thời thực hiện các công tác marketing nhằm tăng mức độ nhận biết của người tiêu dùng đối với thương hiệu và sản phẩm VISSAN. Bên cạnh đó, việc các sản phẩm mới của VISSAN tạo hiệu ứng tốt trên thị trường, tăng sản lượng ngành hàng.

Một số vấn đề cần khắc phục đối với thực phẩm chế biến: Bao bì TPCB chưa thật sự bắt mắt, tạo thành hệ nhận diện mạnh trên quầy kệ, đặc trưng riêng cho sản phẩm VISSAN; Công tác thị trường chưa đủ mạnh, chưa truyền thông rộng rãi đến người tiêu dùng; Chính sách cho Nhà phân phối chưa hấp dẫn để nhà phân phối đầu tư cho thị trường.

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế:

Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2017 là 165,8 tỷ đồng, tăng 6% so với kế hoạch (lợi nhuận kế hoạch năm 2017 là 156 tỷ đồng).



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Chỉ đạo, giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Giám sát việc hoàn tất thủ tục, triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

ĐÁNH GIÁ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Hoạt động của Công ty năm 2017 luôn đảm bảo theo các quy định pháp luật, Luật doanh nghiệp và Điều lệ. Ban điều hành Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản đã có những chuyển biến cần thiết về quản trị, điều hành để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức quản trị còn khiếm khuyết.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban điều hành, tập thể người lao động công ty để đạt kết quả lợi nhuận trước thuế ấn tượng năm 2017 là 165,8 tỷ đồng, vượt 6% so với chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông. Đó là kết quả sự phối hợp đồng bộ, hợp tác, chia sẻ giữa 3 bộ phận Quản trị – Điều hành – Kiểm soát.
- Ban điều hành đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình thị trường trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng quản trị, từ đó hoàn thành vượt mức kế hoạch về lợi nhuận năm 2017.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐỊNH HƯỚNG ĐỐI NỘI

Từ những nhận định trên và kế hoạch 05 năm 2016 – 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Hội đồng quản trị định hướng hoạt động cho Công ty năm 2018 như sau:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, an toàn và có truy xuất nguồn gốc,... làm định hướng phát triển trọng tâm chiến lược; giữ vững uy tín và vị thế của nhà cung cấp thực phẩm hàng đầu hiện nay.
- Đẩy mạnh việc triển khai thi công dự án Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN nhằm hoàn thành đúng tiến độ để ra, nhanh chóng đưa nhà máy sớm đi vào hoạt động.
- Mở rộng và cung ứng sản phẩm thịt tươi sống thương hiệu VISSAN trên thị trường toàn quốc qua tất cả các kênh phân phối hiện đại, truyền thống và Horeca.
- Củng cố bộ máy nhân sự, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, áp dụng công cụ quản lý tiên tiến nhằm phù hợp với yêu cầu mới.
- Tiếp tục chương trình tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất, hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ, đảm bảo hoạt động Công ty luôn an toàn và đúng theo các quy định của pháp luật, Điều lệ.

ĐỊNH HƯỚNG ĐỐI NGOẠI

- Mở rộng quan hệ đối ngoại tìm kiếm các giải pháp, các chương trình hợp tác, học hỏi các mô hình sản xuất kinh doanh tiên tiến... để nâng cao hiệu quả hoạt động công ty.
- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng: Nâng cao ý thức trách nhiệm với cộng đồng xã hội cho mỗi cá nhân bằng việc tăng cường công tác tuyên truyền, dán băng rôn nội dung bảo vệ môi trường. Tích cực tiết kiệm điện và nước. Tham gia hưởng ứng Tuần lễ quốc gia vì môi trường, Giờ Trái đất... Kêu gọi người lao động ủng hộ đồng gia đình nghèo, học sinh vượt khó học giỏi, gia đình có công với cách mạng...





- Sau một năm hoạt động, với những kinh nghiệm, kết quả đạt được và cùng sự năng nổ, nhiệt huyết, luôn cố gắng học hỏi, không ngại khó khăn của ban lãnh đạo công ty cùng đội ngũ tập người lao động đã ngày càng đáp ứng các yêu cầu mới của thị trường. Với các dự báo về những thuận lợi của nền kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2018 thì hội đồng quản trị và đội ngũ nhân viên cam kết nỗ lực hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2018 này.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
Ông Nguyễn Phúc Khoa	1967	Chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cơ khí, Kỹ sư máy tính	0	0%
Ông Phạm Trung Lâm	1973	Phó chủ tịch HĐQT	Cử nhân Quản trị kinh doanh	0	0%
Ông Trần Ngọc Đăng	1962	Thành viên HĐQT	Cử nhân Kế toán	0	0%
Ông Nguyễn Ngọc An	1963	Phó chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA), Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Anh Văn	8.600	0,0106%
Ông Huỳnh Quang Giàu	1975	Thành viên HĐQT từ ngày 05/4/2017	Cử nhân Kinh tế: chuyên ngành Tài chính Kế toán, Quản trị Kinh doanh	200	0,0002%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thông qua nhiều chủ trương lớn, quyết định nhiều vấn đề quan trọng của Công ty nhằm thực hiện các mục tiêu đã đặt ra của Đại hội đồng cổ đông :

- Tổ chức 08 phiên họp để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia mở rộng của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và lãnh đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ Công ty.
- Tổ chức 18 lần ý kiến thành viên Hội đồng quản trị để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Ban hành 27 Nghị quyết và 29 Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị về các vấn đề nhân sự, tổ chức bộ máy; xây dựng, sửa đổi hoặc chỉ đạo sửa đổi quy chế quản trị Công ty; chủ trương đầu tư, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trung và dài hạn và vấn đề quan trọng khác của Công ty đúng theo quy định.



CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT-CTY	04/01/2017	Thông qua các nội dung sau: (1) Thành lập Phòng Điều hành sản xuất và Phòng nghiên cứu và Phát triển sản phẩm; (2) Phê duyệt việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
2	02/NQHĐQT-CTY	20/01/2017	Chấp thuận việc tìm kiếm đối tác có nhu cầu sử dụng để đầu tư tại khu đất ấp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty VISSAN theo quy hoạch của UBND tỉnh Bình Dương.
3	03/NQHĐQT-CTY	13/02/2017	Thông qua các nội dung sau: (1) Kết quả số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 chưa được kiểm toán; (2) Chấp thuận cho triển khai thực hiện Dự án di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN; (3) Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động và Quy chế trả lương, thưởng và thù lao đối với người quản lý Công ty; (4) Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; (5) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch của Công ty VISSAN trong năm 2017 với các bên có liên quan theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; (6) Thống nhất thay đổi phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí kinh doanh của Công ty từ 10 năm thành 03 năm, kể từ ngày 01/7/2016; (7) Đồng ý cho Tổng Giám đốc tiếp tục liên hệ Trại heo nái Châu Lê 1 và Trại heo thịt – hậu bị Châu Lê 2; (8) Đồng ý tiếp tục thực hiện dự án Đầu tư xây dựng mới Xí nghiệp chăn nuôi Gò Sao và điều chỉnh một số nội dung phù hợp với pháp lý Công ty; (9) Thống nhất bãi bỏ nội dung tại Điều 4 Nghị quyết 06/NQHĐQT ngày 11/10/2016 của HĐQT Công ty VISSAN về việc tuyển dụng và phân công Ông Ngô Quốc Thái giữ chức vụ Trưởng Ban chuyên trách các dự án VISSAN.
4	04/NQHĐQT-CTY	13/02/2017	Thông qua các mục tiêu phát triển Công ty năm 2017
5	05/NQHĐQT-CTY	23/03/2017	Thông qua các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất – kinh doanh – tài chính năm 2017.

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	06/NQHĐQT-CTY	05/04/2017	Thông qua các nội dung sau: (1) Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc An giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; (2) Thống nhất miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với Ông Văn Đức Mười và bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc An giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.
7	07/NQHĐQT-CTY	27/04/2017	Thống nhất việc tái ký hợp đồng lao động đối với Bà Lâm Thị Ngọc Sương, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty, thời gian từ ngày 01/5/2017 đến 30/4/2018.
8	08/NQHĐQT-CTY	16/5/2017	Thông qua việc tuyển dụng, bổ nhiệm nhân sự Ban Chuyên trách dự án gồm: Ông Nguyễn Kim Khánh giữ chức vụ Phó Trưởng Ban phụ trách tài chính và Ông Võ Đình Tuấn giữ chức vụ Phó Trưởng Ban phụ trách Kỹ thuật và Đầu tư xây dựng.
9	09/NQHĐQT-CTY	18/5/2017	Thông qua các nội dung sau: (1) Định hướng hoạt động năm 2017 và các năm tiếp theo; (2) Đề nghị Tổng Giám đốc và Ban chuyên trách các dự án thực hiện rà soát các cơ sở pháp lý, hiệu quả của dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN”; (3) Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2017; (4) Chấp thuận cho Tổng Giám đốc nghiên cứu tổ chức sản xuất kinh doanh sản phẩm Hạt nêm; (5) Thành lập Phòng Mua và Cung ứng; (6) Thông qua quyết toán Quỹ lương thực hiện 06 cuối năm 2016 theo Tờ trình số 1445/TTr-CTY ngày 27/4/2017 của Tổng Giám đốc Công ty; (7) Thông qua các Quy chế nội bộ Công ty; (8) Chuyển nhượng khu đất 30,8ha xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; (9) Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT; (10) Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2016 đối với Người quản lý Công ty.
10	10/NQHĐQT-CTY	25/05/2017	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2017.
11	11/NQHĐQT-CTY	25/5/2017	Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty
12	2339/NQHĐQT-CTY	15/6/2017	Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2017.
13	2340/NQHĐQT-CTY	15/6/2017	Thông qua sửa đổi Quy chế trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý công ty.

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
14	2575/NQHĐQT-CTY	28/6/2017	Thông qua việc sáp nhập 05 Chi nhánh Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản – Trung tâm Kinh doanh thực phẩm VISSAN số 1, số 2, số 3, số 4 và số 5 thành 02 Chi nhánh thuộc Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.
15	2641/NQHĐQT-CTY	04/7/2017	Thành lập Chi nhánh Công ty – Xưởng chế biến và Kho thực phẩm VISSAN.
16	2738/NQHĐQT-CTY	12/7/2017	Thông qua việc chuyển nhượng khu đất 308.208 m2 tại xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
17	2845/NQHĐQT-CTY	14/7/2017	Thông qua chủ trương đầu tư các hạng mục, dự án năm 2017
18	3332/NQHĐQT-CTY	15/8/2017	Thông qua các nội dung: (1) Các mục tiêu phát triển Công ty năm 2018; (2) Thống nhất nhân sự lãnh đạo Phòng Mua và Cung ứng; (3) Thống nhất chủ trương triển khai ERP trong quản trị tại Công ty; (4) Giao Tổng Giám đốc đánh giá lại hiệu quả đầu tư Dự án di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy; (5) Bổ nhiệm Ông Đỗ Thế Huấn – Trợ lý Tổng Giám đốc, giữ chức vụ Trưởng Ban chuyên trách các dự án VISSAN; (6) Chấp thuận chủ trương tổ chức mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ của Công ty VISSAN đối với trường hợp người lao động có cổ phần ưu đãi bị hạn chế chuyển nhượng đã thôi việc theo nguyện vọng. Tổng Giám đốc xây dựng phương án mua lại đối với từng trường hợp, đảm bảo đúng theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật; (7) Thống nhất việc phân phối Quỹ thưởng người quản lý Công ty 06 tháng cuối năm 2016.
19	3308/NQHĐQT-CTY	17/8/2017	Phê duyệt việc vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư các dự án, hạng mục đầu tư năm 2017.
20	3351/NQHĐQT-CTY	23/8/2017	Thông qua ngân sách chi hoa hồng môi giới năm 2017 đối ngành hàng thực phẩm tươi sống, thực phẩm chế biến tại kênh Horeca.
21	3926/NQHĐQT-CTY	27/9/2017	Chấp thuận đầu tư điểm bán hàng thực phẩm tươi sống kiểu mẫu tại địa điểm 340-342-344 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
22	4101/NQHĐQT-CTY	9/10/2017	Phê duyệt cho Công ty Vissan vay vốn tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 7 TP.HCM và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
23	4102/NQHĐQT-CTY	9/10/2017	Chấp thuận chủ trương đầu tư dòng sản phẩm cao cấp Vis-Trace.
24	4295/NQHĐQT-CTY	17/10/2017	Chấp thuận thành lập Ban Kiểm soát nội bộ và Ban Pháp chế
25	4649/NQHĐQT-CTY	01/11/2017	Chấp thuận chủ trương đầu tư Hệ thống quản lý phân phối (DMS)
26	4710//NQHĐQT-CTY	07/11/2017	Chấp thuận chủ trương tổ chức triển khai hạng mục Tường rào bao quanh khu đất và Cổng tạm tại công trình Cụm công nghiệp chế biến thực phẩm VISSAN tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An
27	5559/NQHĐQT-CTY	26/12/2017	Thông qua các nội dung sau: (1) Thống nhất các chỉ tiêu phát triển Công ty năm 2018; (2) Chấp thuận việc thành lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ theo chế độ quy định và mức trích quỹ hàng năm tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ; (3) Chấp thuận chủ trương tổ chức triển khai hạng mục “Rà phá bom mìn, vật nổ” tại công trình Cụm công nghiệp chế biến thực phẩm VISSAN thuộc dự án Di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN; (4) Thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các hồ sơ đối với hạng mục “Rà phá bom mìn, vật nổ” và hạng mục “Tường rào bao quanh khu đất và Cổng tạm” tại công trình Cụm công nghiệp chế biến thực phẩm VISSAN thuộc dự án Di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm VISSAN; (5) Giao Ban chuyên trách các dự án VISSAN phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán và Phòng Kế hoạch Đầu tư tổ chức rà soát, đánh giá lại hiệu quả đầu tư dự án “Di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan” trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2017, chỉ tiêu tăng trưởng năm 2018 và những năm tiếp theo của dự án đã được giao.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là những người có kinh nghiệm vì đã trải qua quá trình làm việc trong nhiều năm tại doanh nghiệp nên có đủ năng lực và làm việc hiệu quả vì có phân công hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình kiểm tra giám sát tại Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham gia	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Hoàng Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát	5/5	100%	Bầu bổ sung ngày 05/04/2017
2	Nguyễn Kim Khánh	Nguyên thành viên Ban Kiểm soát	2/2	100%	Miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát ngày 05/04/2017
3	Đoàn Thị Mỹ Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát	7/7	100%	
4	Lê Quang Liêm	Thành viên Ban Kiểm soát	5/5	100%	Bầu bổ sung ngày 05/04/2017
5	Hoàng Thị Kim Phượng	Nguyên thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%	Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát ngày 05/04/2017



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TÁC ĐÃ THỰC HIỆN:

Để thực hiện nhiệm vụ và chức năng, ngay sau Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ban Kiểm soát đã bám sát nghị quyết của Đại hội cổ đông triển khai phân công nhiệm vụ cho từng thành viên:

- Trong năm Ban Kiểm soát đã họp 5 lần và ngoài ra còn trao đổi qua công việc qua điện thoại để nắm bắt tình hình và phối hợp làm việc với tinh thần trách nhiệm, khách quan, dân chủ vì mục tiêu phát triển công ty và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho cổ đông và người lao động
- Thù lao Ban Kiểm soát năm 2017 thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, căn cứ vào đơn xin tự nguyện không nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ công ty VISSAN của Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên là thành viên Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát đã thống nhất quyết toán số tiền thù lao năm 2017 của Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên vào năm tài chính 2018.
- Ngoài khoản tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách và thù lao của thành viên Ban Kiểm soát được nhận theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thì thành viên Ban Kiểm soát không nhận thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác của công ty.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2017 đã được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện.

ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2017

Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Công tác giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị đã nghiêm túc và nỗ lực không ngừng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Hội đồng quản trị cũng đã tích cực ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, theo đúng quy định tại điều lệ của Công ty, quy định của pháp luật.



- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc việc tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời không ngừng tìm kiếm cơ hội đầu tư mới nhằm ổn định và phát triển cho Công ty.
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản đã triển khai và hoàn tất 100% các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

Kết quả giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng Giám đốc luôn chấp hành pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra và nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực.
- Định kỳ tổ chức giao ban toàn Công ty và họp với phụ trách từng đơn vị để rà soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018:

Bám sát nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018, căn cứ kế hoạch kinh doanh 2018 Ban Kiểm soát sẽ tập trung các công việc sau :

- Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung của Đại hội đồng cổ thường niên;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;
- Xem xét, thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp cho Công ty ;
- Thực hiện các công việc phát sinh theo nhu cầu.

Các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty :

- Tăng cường quản lý chặt chẽ, triệt để tiết kiệm chi phí để đạt lợi nhuận;
- Áp dụng công nghệ thông tin có hệ thống vào công tác quản lý để: nâng cao công tác quản lý ;
- Tăng cường công tác quản lý và điều hành hiệu quả các khoản đầu tư;
- Các quy chế, quy định quản lý điều hành Công ty cần thường xuyên củng cố và hoàn thiện, bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định để đáp ứng công tác kiểm soát;
- Công ty cần điều chỉnh lại giao dịch giữa các bên liên quan theo đúng quy định.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THUỜNG, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương
Hội đồng quản trị		504.000.000	-
Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	
Ông Văn Đức Mười	Phó chủ tịch HĐQT (T1-3/2017)	24.000.000	
Ông Nguyễn Ngọc An	Phó chủ tịch HĐQT	96.000.000	
Ông Phạm Trung Lâm	Phó chủ tịch HĐQT	96.000.000	
Ông Trần Ngọc Đăng	Thành viên HĐQT	96.000.000	
Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên HĐQT (T4-12/2017)	72.000.000	
Ban Kiểm soát		144.000.000	660.000.000
Ông Nguyễn Kim Khánh	Trưởng ban (T1-3/2017)		165.000.000
Ông Phạm Hoàng Sơn	Trưởng ban (T4-12/2017)		495.000.000
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kiểm soát viên	72.000.000	
Ông Lê Quang Liêm	Kiểm soát viên (T4-9/2017)	54.000.000	
Bà Hoàng Thi Kim Phượng	Kiểm soát viên (T1-3/2017)	18.000.000	
Ban điều hành		-	3.489.000.000
Ông Văn Đức Mười	Tổng Giám đốc (T1-3/2017)		186.000.000
Ông Nguyễn Ngọc An	Tổng Giám đốc (T4-12/2017)		723.000.000
Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc		660.000.000
Bà Lâm Thị Ngọc Sương	Phó Tổng Giám đốc		660.000.000
Bà Đặng Thị Phương Ninh	Phó Tổng Giám đốc		660.000.000
Ông Huỳnh Quang Giàu	Kế toán trưởng		600.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có



VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ

Dù mới tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2016 nhưng Công ty đã nắm bắt kịp thời các quy định của pháp luật liên quan do Bộ tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước cũng như Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty. Công ty cũng đã tự nguyện công bố Báo cáo tình hình quản trị công ty để cổ đông, nhà đầu tư quan tâm tìm hiểu về tình hình quản trị nội bộ của VISSAN.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sàn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2017)
Ông Văn Đức Mười	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Đăng	Thành viên
Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc An	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2017)
Ông Văn Đức Mười	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2017)
Bà Lâm Thị Ngọc Sương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Phương Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Hoàng Sơn	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Kim Khánh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2017)
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Thành viên
Ông Lê Quang Liêm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2017)
Bà Hoàng Thị Kim Phượng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN
420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Số: 474 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2018, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc các điều chỉnh được đề cập tại Thuyết minh số 3 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả việc điều chỉnh hồi tố một số số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Thông báo kết quả Kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước, Biên bản kết quả kiểm tra của tổ công tác kiểm tra báo cáo tài chính Doanh nghiệp Nhà nước và các kết quả thanh tra thuế của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Trọng Thế

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2649-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.187.827.182.930	837.038.040.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	525.363.140.496	214.323.025.813
1. Tiền	111		99.074.832.163	89.274.136.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		426.288.308.333	125.048.888.889
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		262.394.452.017	166.140.835.128
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	252.921.025.381	152.447.950.361
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.766.142.638	4.907.738.988
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	7.525.953.540	9.608.574.389
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(818.669.542)	(823.428.610)
III. Hàng tồn kho	140	9	395.399.503.987	452.525.036.233
1. Hàng tồn kho	141		403.120.636.437	452.717.790.648
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.721.132.450)	(192.754.415)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.670.086.430	4.049.143.481
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	4.013.091.729	3.692.238.295
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		616.881.233	63.746.172
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	40.113.468	293.159.014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		583.612.410.190	655.145.711.896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.069.000.000	1.476.678.682
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.069.000.000	1.476.678.682
II. Tài sản cố định	220		454.581.674.520	468.088.153.572
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	191.392.506.116	200.346.583.966
- Nguyên giá	222		396.978.616.264	375.929.116.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(205.586.110.148)	(175.582.532.495)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	263.189.168.404	267.741.569.606
- Nguyên giá	228		281.821.725.691	277.779.265.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.632.557.287)	(10.037.696.091)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.188.966.434	20.603.096.555
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	13.188.966.434	20.603.096.555
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.512.670.000	5.512.670.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	5.512.670.000	5.512.670.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		109.260.099.236	159.465.113.087
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	100.177.379.744	158.937.213.503
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	9.082.719.492	527.899.584
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.771.439.593.120	1.492.183.752.551

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm (Trình bày lại)	
			Số cuối năm	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		814.315.762.986	629.698.577.525
I. Nợ ngắn hạn	310		739.135.080.817	616.992.695.173
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	261.930.276.146	144.908.945.865
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		45.993.433.489	47.333.542.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	33.968.682.224	32.396.516.313
4. Phải trả người lao động	314		120.074.833.448	56.644.724.631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	557.598.287	705.395.054
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	38.595.499.006	84.633.247.445
7. Vay ngắn hạn	320	20	213.004.329.447	214.331.478.628
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	25.010.428.770	36.038.844.637
II. Nợ dài hạn	330		75.180.682.169	12.705.882.352
1. Vay dài hạn	338	21	22.477.328.668	12.705.882.352
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	32.703.353.501	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	20.000.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		957.123.830.134	862.485.175.026
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	957.123.830.134	862.485.175.026
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		809.143.000.000	809.143.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		809.143.000.000	809.143.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.432.888.063	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119.547.942.071	53.342.175.026
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước/kỳ trước	421a		1.720.027.043	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/kỳ này	421b		117.827.915.028	53.342.175.026
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.771.439.593.120	1.492.183.752.551


Đỗ Thị Thu Thủy
Người lập biểu


Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 (Trình bày lại)	
			Năm nay	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.905.144.656.207	1.845.132.894.407
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		27.038.138.653	6.275.928.293
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	3.878.106.517.554	1.838.856.966.114
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	2.905.940.089.293	1.437.446.477.200
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		972.166.428.261	401.410.488.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	16.835.952.189	3.645.047.364
7. Chi phí tài chính	22	32	19.204.596.720	7.466.299.454
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.493.808.556	4.663.246.590
8. Chi phí bán hàng	25	33	504.679.481.499	207.413.016.654
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	302.258.307.776	124.139.764.881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		162.859.994.455	66.036.455.289
11. Thu nhập khác	31	34	4.617.488.223	1.797.830.770
12. Chi phí khác	32	35	1.719.146.584	632.808.056
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.898.341.639	1.165.022.714
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		165.758.336.094	67.201.478.003
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	44.685.240.974	14.387.202.561
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	(8.554.819.908)	(527.899.584)
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		129.627.915.028	53.342.175.026
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.073	373



Đỗ Thị Thu Thủy
Người lập biểu



Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng





Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	4.711.717.528.123	2.211.234.758.514
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(3.537.812.853.905)	(1.871.336.476.251)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(433.212.545.853)	(169.537.214.413)
Tiền lãi vay đã trả	04	(12.387.320.058)	(4.496.197.270)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(35.927.454.205)	(16.693.841.371)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	21.496.991.869	6.321.693.192
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(357.332.930.606)	(148.930.004.024)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	08	356.541.415.365	6.562.718.377
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(20.753.223.244)	(24.346.879.215)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	324.390.727	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.774.031.806	3.403.379.103
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.654.800.711)	(20.943.500.112)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	750.534.195.161	443.621.815.667
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(742.089.898.026)	(348.260.423.368)
3. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(49.293.410.086)	(64.963.414.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(40.849.112.951)	30.397.977.699
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=08+30+40)	50	311.037.501.703	16.017.195.964
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	214.323.025.813	198.279.879.091
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.612.980	25.950.758
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ (70=50+60+61)	70	525.363.140.496	214.323.025.813



Đỗ Thị Thu Thủy
Người lập biểu



Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản) (gọi tắt là "Công ty") được thành lập vào ngày 20 tháng 11 năm 1970 và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 18 tháng 5 năm 1974.

Ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300105356, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 01 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 809.143.000.000 đồng. Công ty mẹ là Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường Upcom vào ngày 21 tháng 10 năm 2016 với mã giao dịch là VSN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.389 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.149).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt;
- Sản xuất kinh doanh heo giống, bò giống, bò thịt;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản, trồng trọt;
- Kinh doanh trái cây;
- Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát có gas;
- Kinh doanh đồ uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty kéo dài không quá 12 tháng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm và chế biến nên nhu cầu dự trữ hàng hóa vào các dịp lễ, tết thường cao hơn so với bình thường.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty bao gồm Trụ sở chính và 10 chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh 1 – Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 1
- Chi nhánh 2 – Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan Số 3
- Chi nhánh 3 – Chi nhánh Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 4 – Chi nhánh Vissan Hà Nội
- Chi nhánh 5 – Xí nghiệp chế biến và kho thực phẩm Vissan
- Chi nhánh 6 – Chi nhánh Vissan Đà Nẵng
- Chi nhánh 7 – Xí nghiệp chế biến kinh doanh thực phẩm
- Chi nhánh 8 – Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 9 – Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận
- Chi nhánh 10 – Trung tâm kinh doanh chuỗi cửa hàng Vissan

Ngoài ra, Công ty có văn phòng đại diện tại Số 12L, Đường số 3, Phường Steung Meanchey, Thành phố Phnom Penh, Vương quốc Cambodia.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán, và số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty sau khi Công ty chính thức trở thành công ty cổ phần. Do vậy, Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 không thể so sánh được số liệu trên Báo cáo tài chính kỳ trước.

Số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và được trình bày lại theo các điều chỉnh hồi tố ở Thuyết minh số 3.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Các năm tài chính tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA KỲ TRƯỚC

Trong năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại số liệu báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Thông báo Kết quả Kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước số 08/TB-KT IV ngày 19 tháng 01 năm 2017, Biên bản kết quả kiểm tra của tổ công tác kiểm tra báo cáo tài chính Doanh nghiệp Nhà nước ngày 30 tháng 11 năm 2017 và các kết quả thanh tra thuế của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn chuyển thể trước khi Công ty trở thành công ty cổ phần:

Chi tiết của các điều chỉnh như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Thay đổi
		VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	152.437.082.786	152.447.950.361	10.867.575
Phải thu ngắn hạn khác	136	9.319.079.027	9.608.574.389	289.495.362
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3.596.017.465	3.692.238.295	96.220.830
Tài sản cố định hữu hình	221	199.218.685.239	200.346.583.966	1.127.898.727
- Nguyên giá	222	375.698.519.694	375.929.116.461	230.596.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(176.479.834.455)	(175.582.532.495)	897.301.960
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.832.567.833	5.512.670.000	680.102.167
Phải trả người bán ngắn hạn	311	144.884.450.265	144.908.945.865	24.495.600
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	47.458.444.548	47.333.542.600	(124.901.948)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	38.542.887.143	32.396.516.313	(6.146.370.830)
Phải trả người lao động	314	56.953.411.263	56.644.724.631	(308.686.632)
Phải trả ngắn hạn khác	319	74.519.953.581	84.633.247.445	10.113.293.864
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	54.695.420.419	53.342.175.026	(1.353.245.393)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	54.695.420.419	53.342.175.026	(1.353.245.393)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2016 đến ngày 31/12/2016**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Thay đổi
		VND	VND	VND
Chi phí bán hàng	25	206.059.771.261	207.413.016.654	1.353.245.393
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	67.389.700.682	66.036.455.289	(1.353.245.393)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	68.554.723.396	67.201.478.003	(1.353.245.393)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	54.695.420.419	53.342.175.026	(1.353.245.393)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.



Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 30
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	3 - 10
Súc vật cho sản phẩm	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 6 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất trả trước, lợi thế kinh doanh khi xác định lại giá trị doanh nghiệp, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế kinh doanh khi xác định lại giá trị doanh nghiệp bao gồm: giá trị thương hiệu, giá trị tiềm năng phát triển và lợi thế quyền thuê sạp chợ.

Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm, bao gồm chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web.

Giá trị tiềm năng phát triển được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ.

Giá trị lợi thế quyền thuê sạp chợ được định giá và tính vào giá trị doanh nghiệp theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Lợi thế kinh doanh khi xác định lại giá trị doanh nghiệp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014.

Các chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích lập chỉ để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty. Mức trích tối đa là 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm/kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	9.678.844.100	7.452.107.800
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	89.364.557.630	81.799.664.022
Tiền đang chuyển	31.430.433	22.365.102
Các khoản tương đương tiền (*)	426.288.308.333	125.048.888.889
	525.363.140.496	214.323.025.813

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu là một tháng với lãi suất là 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.5%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba	237.120.433.771	137.195.470.699
Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh	58.199.863.503	59.931.299.535
Công ty Gentraco	89.421.535.000	-
Các khách hàng khác	89.499.035.268	77.264.171.164
b. Phải thu khách hàng là bên liên quan (Xem Thuyết minh số 39)	15.800.591.610	15.252.479.662
	252.921.025.381	152.447.950.361

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn	7.525.953.540	9.608.574.389
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, và thuế thu nhập cá nhân phải thu nhân viên	2.198.379.553	3.060.872.284
Tạm ứng	1.688.223.400	1.274.422.152
Ký quỹ, ký cược	750.700.000	380.000.000
Phải thu về cổ phần hóa	-	2.515.291.837
Lãi tiền gửi ngân hàng	699.983.215	377.855.631
Phải thu bên liên quan (xem Thuyết minh số 39)	1.018.276.863	558.004.351
Phải thu khác	1.170.390.509	1.442.128.134
b. Dài hạn	1.069.000.000	1.476.678.682
Ký quỹ, ký cược	1.069.000.000	951.500.000
Phải thu khác	-	525.178.682
	8.594.953.540	11.085.253.071

8. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị của các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi			
+ Công ty Cổ phần Thực phẩm Và Đồ uống Express	188.295.508	(188.295.508)	-
+ Công ty TNHH Thương Mại Nhà Tới	178.182.957	(178.182.957)	-
+ Các khách hàng khác	452.191.077	(452.191.077)	-
	818.669.542	(818.669.542)	-



	Số đầu năm		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị của các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi			
+ Công ty Cổ phần Thực phẩm Và Đồ uống Express	213.295.508	(213.295.508)	-
+ Công ty TNHH Thương Mại Nhà Tôi	178.182.957	(124.728.070)	53.454.887
+ Các khách hàng khác	485.405.032	(485.405.032)	-
	876.883.497	(823.428.610)	53.454.887

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	4.788.477.361	-	3.889.759.396	-
Nguyên liệu, vật liệu	59.036.896.871	-	80.487.412.716	-
Công cụ, dụng cụ	40.279.582.679	-	40.868.144.479	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.068.567.468	-	7.242.232.590	-
Thành phẩm	281.394.384.552	7.721.132.450	308.434.749.992	192.754.415
Hàng hoá	11.445.101.544	-	11.682.856.402	-
Hàng gửi bán	107.625.962	-	112.635.073	-
	403.120.636.437	7.721.132.450	452.717.790.648	192.754.415

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm nay và kỳ trước như sau:

	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Số dư đầu năm/kỳ	192.754.415	-
Trích lập dự phòng	7.528.378.035	192.754.415
Số dư cuối năm/kỳ	7.721.132.450	192.754.415

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	710.392.798	1.208.235.197
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.140.864.991	1.335.181.232
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.161.833.940	1.148.821.866
	4.013.091.729	3.692.238.295
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng ở Khu Công Nghiệp Tiên Sơn Bắc Ninh	1.846.982.622	1.904.854.038
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.738.445.019	4.238.879.700
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.884.411.609	1.637.279.246
Lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp	88.721.663.248	147.869.438.732
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.985.877.246	3.286.761.787
	100.177.379.744	158.937.213.503

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Số nộp thừa/ phải nộp trong năm VND	Số được hoàn/ đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	293.159.014	65.174.990	318.220.536	40.113.468
	293.159.014	65.174.990	318.220.536	40.113.468
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	13.675.449.002	133.945.324.029	134.548.010.331	13.072.762.700
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.971.171.096	3.971.171.096	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	192.734.340	192.734.340	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.479.944.257	44.360.600.935	35.927.454.205	18.913.090.987
Thuế thu nhập cá nhân	1.007.378.600	3.619.673.272	4.355.727.463	271.324.409
Thuế nhà đất và tiền thuê	6.705.267.962	3.107.109.909	8.488.172.854	1.324.205.017
Thuế đất phi nông nghiệp	6.251.340	26.511.666	32.763.006	-
Thuế nhà thầu	-	177.149.344	177.149.344	-
Lệ phí môn bài	-	102.500.000	102.500.000	-
Các loại thuế khác	522.225.152	291.349.080	426.275.121	387.299.111
	32.396.516.313	189.794.123.671	188.221.957.760	33.968.682.224

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và truyền dẫn VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Súc vật cho sản phẩm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm (Trình bày lại)	115.647.075.628	178.261.772.596	59.508.190.747	22.512.077.490	-	375.929.116.461
Mua sắm mới	570.000.000	6.492.966.189	1.098.843.300	2.550.585.000	-	10.712.394.489
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	194.239.946	5.633.119.781	-	992.735.090	8.302.025.432	15.122.120.249
Tăng khác	1.275.858.636	537.490.910	-	68.000.000	-	1.881.349.546
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.541.285.056)	(141.544.871)	(1.951.733.724)	(1.045.942.194)	(4.680.505.845)
Giảm khác	-	(68.000.000)	-	(1.917.858.636)	-	(1.985.858.636)
Số cuối năm	117.687.174.210	189.316.064.420	60.465.489.176	22.253.805.220	7.256.083.238	396.978.616.264
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm (Trình bày lại)	18.467.350.245	108.982.340.575	35.926.211.996	12.206.629.679	-	175.582.532.495
Khấu hao trong năm	6.322.630.654	16.787.600.203	5.418.976.774	2.738.101.142	2.014.535.058	33.281.843.831
Tăng khác	1.086.596.047	74.066.351	-	5.453.121	-	1.166.115.519
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.156.494.977)	(124.978.872)	(1.755.631.076)	(159.295.798)	(3.196.400.723)
Giảm khác	-	(5.453.121)	-	(1.242.527.853)	-	(1.247.980.974)
Số cuối năm	25.876.576.946	124.682.059.031	41.220.209.898	11.952.025.013	1.855.239.260	205.586.110.148
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)	97.179.725.383	69.279.432.021	23.581.978.751	10.305.447.811	-	200.346.583.966
Tại ngày cuối năm	91.810.597.264	64.634.005.389	19.245.279.278	10.301.780.207	5.400.843.978	191.392.506.116

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.056 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 541 triệu đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 42.418 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 32.389 triệu đồng) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	273.611.911.433	4.167.354.264	277.779.265.697
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.042.459.994	4.042.459.994
Số cuối năm	273.611.911.433	8.209.814.258	281.821.725.691
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	8.944.278.473	1.093.417.618	10.037.696.091
Khấu hao trong năm	7.493.644.740	1.101.216.456	8.594.861.196
Số cuối năm	16.437.923.213	2.194.634.074	18.632.557.287
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	264.667.632.960	3.073.936.646	267.741.569.606
Tại ngày cuối năm	257.173.988.220	6.015.180.184	263.189.168.404

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 39 triệu đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20 và Thuyết minh số 21, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 1.999 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.042 triệu đồng) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm tại Long An	10.507.326.219	8.387.417.431
Phần mềm quản lí bán hàng	-	3.559.518.855
Hệ thống xử lý nước thải	1.871.038.183	-
Heo giống Mỹ	-	8.302.025.432
Xây dựng cơ bản dở dang khác	810.602.032	354.134.837
	13.188.966.434	20.603.096.555

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số lượng cổ phiếu	% Sở hữu	% biểu quyết	Giá gốc VND	Số cuối năm Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	591.743	0.19%	0.19%	5.512.670.000	7.199.737.081

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ của các khoản dự phòng	32.703.353.501	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ của các khoản chiết khấu trích trước	9.419.487.305	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	3.290.756.657	2.639.497.918
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.082.719.492	527.899.584

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả cho các bên thứ ba	201.664.087.198	201.664.087.198	84.127.454.113	84.127.454.113
<i>Trong đó:</i>				
- Công ty TNHH Lương thực Gạo Việt	89.374.867.500	89.374.867.500	-	-
- Phải trả các nhà cung cấp khác	112.289.219.698	112.289.219.698	84.127.454.113	84.127.454.113
b. Phải trả cho bên liên quan (xem Thuyết minh số 39)	60.266.188.948	60.266.188.948	60.781.491.752	60.781.491.752
	261.930.276.146	261.930.276.146	144.908.945.865	144.908.945.865

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí kiểm toán	455.000.000	-
Chi phí phải trả khác	102.598.287	705.395.054
	557.598.287	705.395.054

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	2.418.513.928	2.477.144.931
Phải trả về cổ phần hoá	-	4.002.674.931
Phải trả khác cho bên liên quan (*) (xem Thuyết minh số 39)	408.826.807	51.330.654.217
Chiết khấu bán hàng	9.422.863.463	11.884.813.331
Hỗ trợ bán hàng	5.787.449.300	5.945.934.223
Chi phí vận chuyển	171.966.910	78.104.000
Nhận ký cược, ký quỹ	10.360.371.538	209.545.295
Lãi vay	273.537.818	167.049.320
Phải trả khác	9.751.969.242	8.537.327.197
	38.595.499.006	84.633.247.445

(*) Khoản phải trả này chủ yếu thể hiện lợi nhuận trong giai đoạn cổ phần hóa phải chuyển về cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - TNHH MTV.

20. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Vay VND	Thanh toán VND	Phân loại lại VND	Giá trị VND	Vay VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (*)	101.780.625.500	372.076.262.782	(329.696.390.721)	-	144.160.497.561	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (**)	99.967.695.216	357.109.232.954	(398.624.310.536)	-	58.452.617.634	-
Ngân hàng TNHH CTBC	6.936.099.088	-	(6.936.099.088)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (xem Thuyết minh số 21)	-	-	(1.186.038.857)	5.930.194.285	4.744.155.428	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem Thuyết minh số 21)	5.647.058.824	-	(5.647.058.824)	5.647.058.824	5.647.058.824	-
	214.331.478.628	729.185.495.736	(742.089.898.026)	11.577.253.109	213.004.329.447	-

(*) Ngày 17 tháng 11 năm 2016, Công ty ký hợp đồng tín dụng số 0096/KHDN2/16NH với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, hạn mức 220.000.000.000 đồng cho mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng vay này có thời hạn đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2017. Khoản vay này chịu lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Vietcombank trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất vay trong năm nay là 5%-5,2%/năm. Đây là khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản.

(**) Ngày 07 tháng 11 năm 2017, Công ty ký hợp đồng tín dụng số 1102/2017-HĐCVHM/NHCT924-VISSAN với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ("Vietinbank") – Chi nhánh 7 - Thành phố Hồ Chí Minh, hạn mức 190.000.000.000 đồng cho mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng vay này có thời hạn đến hết ngày 01 tháng 10 năm 2018, thời hạn cho vay của từng Giấy nhận nợ tối đa không quá ba tháng. Khoản vay này chịu lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Vietinbank trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất vay trong năm nay là 4,8%-5%/năm. Đây là khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản vay ngắn hạn nào quá hạn thanh toán.

21. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị		Vay	Phân loại lại	Giá trị
	VND		VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (*)	-	21.348.699.425	(5.930.194.285)		15.418.505.140
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (**)	12.705.882.352	-	(5.647.058.824)		7.058.823.528
	12.705.882.352	21.348.699.425	(11.577.253.109)		22.477.328.668

(*) Tại ngày 27 tháng 02 năm 2017, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 0020/KHDN2/17DH với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức là 27.556.200.000 đồng nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án, mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ vốn đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có thời hạn là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nợ gốc được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay chịu lãi suất 7,5%/năm trong năm nay và sẽ được điều chỉnh ba tháng một lần dựa trên thông báo từ Vietcombank, lãi suất cho mỗi lần rút vốn sẽ được thanh toán định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Công ty sử dụng một số máy móc, thiết bị để thế chấp cho khoản vay này như trình bày ở Thuyết minh số 12. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư vay của Công ty là 20.162.660.568 đồng.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ("Shinhanbank") với hạn mức là 24.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ vốn đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có thời hạn là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nợ gốc được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay chịu lãi suất 6,85%-7,73%/năm trong năm nay và sẽ được điều chỉnh ba tháng một lần dựa trên thông báo từ Shinhanbank, lãi suất cho mỗi lần rút vốn sẽ được thanh toán định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Như trình bày ở Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 13, Công ty sử dụng nhà xưởng, quyền sử dụng đất và các máy móc, thiết bị ở Xí nghiệp Chăn nuôi Bình Thuận để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư vay của Công ty là 12.705.882.352 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.391.214.252	5.647.058.824
Trong năm thứ hai	7.058.823.528	12.705.882.352
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	15.418.505.140	-
	32.868.542.920	18.352.941.176
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(10.391.214.252)	(5.647.058.824)
Số phải trả sau 12 tháng	22.477.328.668	12.705.882.352

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng ban điều hành quản lý VND	Tổng VND
Số đầu năm	22.615.759.860	13.191.590.984	231.493.793	36.038.844.637
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 25)	19.568.361.944	15.129.297.976	291.600.000	34.989.259.920
Sử dụng quỹ	(32.577.890.808)	(13.109.441.186)	(330.343.793)	(46.017.675.787)
Số cuối năm	9.606.230.996	15.211.447.774	192.750.000	25.010.428.770

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan như được trình bày ở Thuyết minh số 4.

24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2016, các công ty được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Công ty đã trích quỹ Khoa học và Công nghệ theo tỷ lệ 9,18% của lợi nhuận trước thuế theo kế hoạch cho năm 2017. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả. Trong năm 2017, Công ty vẫn chưa sử dụng quỹ này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 7 năm 2016 (Trình bày lại)	809.143.000.000	-	-	809.143.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	53.342.175.026	53.342.175.026
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	809.143.000.000	-	53.342.175.026	862.485.175.026
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	129.627.915.028	129.627.915.028
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	28.432.888.063	(28.432.888.063)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh số 22)	-	-	(23.189.259.920)	(23.189.259.920)
Tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 (Thuyết minh số 22)	-	-	(11.800.000.000)	(11.800.000.000)
Số dư cuối năm nay	809.143.000.000	28.432.888.063	119.547.942.071	957.123.830.134

Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 28.432.888.063 đồng và 23.189.259.920 đồng từ lợi nhuận sau thuế của 6 tháng cuối năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017.

Đồng thời, Công ty đã tạm trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 với số tiền là 11.800.000.000 đồng theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 và Quyết định 5340/QĐ-CTY của Ban Giám đốc ngày 16 tháng 12 năm 2017.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 809.143.000.000 đồng. Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành và đang lưu hành	80.914.300	809.143.000.000	80.914.300	809.143.000.000

Vốn cổ phần chi tiết theo cổ đông lớn:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - TNHH MTV	548.298.780.000	67,76	548.298.780.000	67,76
Công ty Cổ phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc tế (ANCO)	201.800.260.000	24,94	201.800.260.000	24,94
Các cổ đông khác	59.043.960.000	7,3	59.043.960.000	7,3
	809.143.000.000	100	809.143.000.000	100

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	453.798,42	279.915,93
Euro (EUR)	793,44	802,93

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Khi trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, doanh thu bộ phận dựa vào lĩnh vực kinh doanh là thịt tươi sống, thực phẩm chế biến và lĩnh vực kinh doanh khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Doanh thu thuần		
Thịt tươi sống	1.868.918.775.643	970.505.599.373
Thực phẩm chế biến	1.751.674.324.526	754.367.567.147
Khác	<u>257.513.417.385</u>	<u>113.983.799.594</u>
	<u>3.878.106.517.554</u>	<u>1.838.856.966.114</u>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
Thịt tươi sống	1.456.715.507.887	830.628.400.768
Thực phẩm chế biến	1.211.314.310.169	511.070.821.808
Khác	<u>237.910.271.237</u>	<u>95.747.254.624</u>
	<u>2.905.940.089.293</u>	<u>1.437.446.477.200</u>
Lợi nhuận gộp		
Thịt tươi sống	412.203.267.756	139.877.198.605
Thực phẩm chế biến	540.360.014.357	243.296.745.339
Khác	<u>19.603.146.148</u>	<u>18.236.544.970</u>
	<u>972.166.428.261</u>	<u>401.410.488.914</u>
28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	3.892.519.235.449	1.839.453.726.844
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>12.625.420.758</u>	<u>5.679.167.563</u>
	<u>3.905.144.656.207</u>	<u>1.845.132.894.407</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	25.870.673.986	5.997.150.662
Hàng bán bị trả lại	<u>1.167.464.667</u>	<u>278.777.631</u>
	<u>27.038.138.653</u>	<u>6.275.928.293</u>
Doanh thu thuần	<u>3.878.106.517.554</u>	<u>1.838.856.966.114</u>
29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP		
	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	2.899.261.493.786	1.434.871.596.872
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	<u>6.678.595.507</u>	<u>2.574.880.328</u>
	<u>2.905.940.089.293</u>	<u>1.437.446.477.200</u>
30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
	Năm nay VND	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.169.945.377.197	1.173.032.610.751
Chi phí nhân công	564.837.473.679	211.844.965.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.876.705.027	18.889.105.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.219.540.305	90.573.102.592
Chi phí khác bằng tiền	<u>337.238.571.733</u>	<u>143.241.555.588</u>
	<u>3.316.117.667.941</u>	<u>1.637.581.340.482</u>

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi	16.096.159.390	3.370.514.599
Thu nhập từ cổ tức	118.348.600	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	81.444.199	154.522.163
Doanh thu hoạt động tài chính khác	540.000.000	120.010.602
	<u>16.835.952.189</u>	<u>3.645.047.364</u>

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền vay	12.493.808.556	4.663.246.590
Chiết khấu thanh toán	6.591.952.063	2.777.428.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá	118.836.101	25.624.040
	<u>19.204.596.720</u>	<u>7.466.299.454</u>

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 (Trình bày lại) VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	274.708.394.385	93.101.320.748
Chi phí vật liệu, bao bì	26.709.253.927	9.876.993.936
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	13.251.247.219	6.391.848.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.025.956.893	3.306.748.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.687.520.669	36.727.669.826
- Chi phí vận chuyển	40.717.185.856	14.848.010.363
- Chi phí thuê kho, thuê mặt bằng	25.553.025.333	12.052.935.644
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	21.417.309.480	9.826.723.819
Chi phí bằng tiền khác	96.297.108.406	58.008.434.825
- Chi phí chiết khấu, hỗ trợ bán hàng	49.943.958.327	35.815.654.914
- Chi phí bằng tiền khác	46.353.150.079	22.192.779.911
	<u>504.679.481.499</u>	<u>207.413.016.654</u>
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	111.312.575.198	39.598.228.026
Chi phí vật liệu quản lý	2.349.547.041	1.266.978.162
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.861.426.996	3.021.959.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.753.430.397	5.278.557.368
Thuế, phí và lệ phí	5.391.565.291	3.115.062.225
Chi phí dự phòng	(4.759.068)	823.428.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.246.489.998	22.971.548.181
- Chi phí thuê mặt bằng	31.635.786.738	17.870.372.926
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	10.610.703.260	5.101.175.255
Chi phí khác	124.348.031.923	48.064.002.460
- Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	59.147.775.484	29.549.274.897
- Trích lập quỹ khoa học công nghệ	20.000.000.000	-
- Chi phí bằng tiền khác	45.200.256.439	18.514.727.563
	<u>302.258.307.776</u>	<u>124.139.764.881</u>

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Thu tiền thuế liệu	-	604.287.546
Khuyến mãi, chiết khấu bán hàng	1.393.804.859	367.211.510
Thu nhập khác	3.223.683.364	826.331.714
	4.617.488.223	1.797.830.770

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Thanh lý tài sản	1.159.714.395	-
Chi phí thu gom phế liệu	-	274.653.216
Chi phí khác	559.432.189	358.154.840
	1.719.146.584	632.808.056

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	44.685.240.974	14.387.202.561
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	43.595.626.251	14.387.202.561
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước vào chi phí thuế năm nay	1.089.614.723	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(8.554.819.908)	(527.899.584)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ	(9.082.719.492)	(527.899.584)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	527.899.584	-
	36.130.421.066	13.859.302.977

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm/kỳ được tính như sau:

	Năm nay VND	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	165.758.336.094	67.201.478.003
Thuế tính ở thuế suất phổ thông 20%	33.151.667.219	13.440.295.601
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(23.669.720)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.912.808.844	460.171.332
Chênh lệch tạm thời	8.554.819.908	527.899.584
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập từ chăn nuôi được ưu đãi	-	(41.163.956)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	43.595.626.251	14.387.202.561

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương, Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận được hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong suốt thời gian hoạt động do có thu nhập từ chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các khoản thuế trình bày trong báo cáo tài chính chưa phải là số liệu cuối cùng và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định bị ảnh hưởng bởi các cách diễn đạt khác nhau, số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính sẽ thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Từ 1/7/2016 đến 31/12/2016 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	129.627.915.028	53.342.175.026
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(42.828.100.311)	(23.189.259.920)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (i)	(42.828.100.311)	(23.189.259.920)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	86.799.814.717	30.152.915.106
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm/kỳ	80.914.300	80.914.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.073	373

(i) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được ước tính với tỷ lệ 1 tháng lương bình quân thực hiện năm 2017 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-NQĐHĐCĐ-CTY ngày 5 tháng 4 năm 2017.

Công ty không trình bày số liệu so sánh cho lãi cơ bản trên cổ phiếu do ở kỳ so sánh do Công ty chưa phải là một công ty cổ phần tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2016.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có ảnh hưởng suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

38. CÁC KHOẢN CAM KẾT

a. Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm/kỳ	67.621.029.342	33.537.153.113

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	26.814.500.253	27.017.780.253
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.396.550.535	17.183.390.535
Sau năm năm	3.030.281.004	3.030.281.004
	41.241.331.792	47.231.451.792



b. Cam kết vốn:

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	1.736.788.610.060	1.290.812.248.468
Đã được duyệt và ký hợp đồng nhưng chưa thực hiện	1.232.687.633	659.955.684
	1.738.021.297.693	1.291.472.204.152

Cam kết vốn cho dự án được phê duyệt nhưng chưa ký hợp đồng chủ yếu liên quan tới dự án di dời nhà máy giết mổ và sản xuất Vissan.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty chỉ có các giao dịch và có số dư với một bên liên quan là Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - cổ đông lớn nhất của Công ty.

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
Mua hàng	620.511.976.781	434.354.738.656
Bán hàng	188.849.810.568	81.511.170.734
Phân phối lợi nhuận	-	37.654.516.484

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm/kỳ như sau:

	Năm nay VND	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 VND
Lương, thưởng và thù lao	3.953.454.952	1.783.517.000

Số dư với bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	15.800.591.610	15.252.479.662
<i>Trong đó:</i>		
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm điều hành Satrafoods	14.158.291.009	13.851.081.834
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm Satra Phạm Hùng	520.374.496	541.347.236
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Siêu thị Satra Sài Gòn	612.168.833	816.887.061
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Thương Xá Tax	9.162.599	15.405.860
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ	443.558.975	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - TT dịch vụ ăn uống Satra	20.087.467	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm quản lí và kinh doanh chợ Bình Điền	36.948.231	27.757.671



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm (Trình bày lại) <u>VND</u>
Khách hàng ứng trước		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	326.905.705	-
Trong đó:		
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Siêu thị Satra Sài Gòn	180.423.981	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm Satra Phạm Hùng	71.200.921	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Siêu thị Satra Cần Thơ	75.280.803	-
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	1.018.276.863	558.004.351
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	60.266.188.948	60.781.491.752
Trong đó:		
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trụ sở chính	57.949.406.854	57.274.014.697
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Kho lạnh Satra	1.940.089.786	353.297.569
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm phân phối	376.692.308	3.149.191.386
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm dịch vụ	-	4.988.100
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	408.826.807	51.330.654.217

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	Năm nay <u>VND</u>	Từ 01/7/2016 đến 31/12/2016 <u>VND</u>
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	4.125.686.975	3.467.355.093
Ứng trước tiền mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	1.232.608.515	2.153.898.000



Đỗ Thị Thu Thủy
Người lập biểu



Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng





Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2018



XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2018

^{hou}NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ^{mnv}



NGUYỄN NGỌC AN



Sức Sống Mỗi Ngày

“Vì lợi ích cộng đồng, khẩu hiệu “Sức Sống Mỗi Ngày” đã được VISSAN lựa chọn làm tiêu chí hoạt động. Đây là thông điệp, là cam kết của Công ty VISSAN mong muốn thể hiện hết tinh thần trách nhiệm trong từng sản phẩm để mang đến sức khỏe cho cộng đồng, góp phần phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm Việt Nam. Đó là sức sống, khát khao của một tập thể với hơn 45 năm trưởng thành để tạo nên một thương hiệu vươn lên mãnh liệt trong nền hội nhập”



420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



(028) 3553 3999/ 3553 3888



vissanco@vissan.com.vn